



Literature tandem

03-09 November | Tháng Mười Một: **Hà Nội**
10-13 November | Tháng Mười Một: **Sài Gòn**

with | cùng với

German writers | Các nhà văn Đức

**Anja Kampmann, Judith Zander, Fabian Hischmann,
Julia Franck, Fatma Aydemir**

Vietnamese writers | Nhà văn Việt Nam

**Hải Yến, Du Nguyễn, Nguyễn Hoàng Quyên, Maik Cây,
Trang Hạ, Trương Quý, Tố Linh.**

Sóng đôi văn học



Auswärtiges Amt

LITERARISCHES
COLLOQUIUM
BERLIN LCB

GOETHE
INSTITUT

Sprache. Kultur. Deutschland.

TABLE CONTENT | MỤC LỤC

Introduction Giới thiệu	...	3
Highlighted events Sự kiện nổi bật	...	5
Writers & moderators Nhà văn & điều phối	...	13

INTRODUCTION | GIỚI THIỆU

From Literarisches Colloquium Berlin | Từ Viện hội thảo chuyên đề Văn học Berlin

With the project “Plurality of German,” the Literary Colloquium Berlin would like to draw attention to the wealth of content and style that characterizes contemporary German-language literature. We owe this wealth not least to the fact that German society has developed since the Second World War into a fascinating mixture and confusion of different imprints and origins. The heterogeneity of our society shapes the literature of the present. This November (2018), four female authors and one male author travel to Vietnam with the invitation of the Literary Colloquium Berlin and the Goethe Institute; they demonstrate the many forms of contemporary literature i.e. poetry and novels standing alongside journalistic and theoretical texts.

The essays by **Fatma Aydemir, Julia Franck, Fabian Hischmann, Anja Kampmann and Judith Zander**, based on our invitation, provide insights into the work of very different authors who reflect on their own biographical, linguistic and literary influences and the daily struggle of searching for their personal language. We cordially invite readers in Vietnam to engage with our guests through their texts and reflections and discuss multivarious perspectives on literature and society.

Với dự án “Sự đa dạng của tiếng Đức,” Viện hội thảo chuyên đề Văn học Berlin mong muốn thu hút chú ý đến sự phong phú của nội dung và văn phong, một đặc trưng tiêu biểu cho văn học đương đại tiếng Đức. Chúng ta phải công nhận sự phong phú này đến từ thực tế rằng, xã hội Đức đã biến chuyển từ sau Chiến tranh Thế giới thứ Hai, trở thành một xã hội với những pha trộn và hỗn loạn đầy sức hấp dẫn của những dấu ấn và nguồn gốc khác nhau. Sự đa dạng của xã hội chúng ta định hình văn học hiện nay. Bốn tác giả nữ và một tác giả nam đến Việt Nam vào tháng 11 này (2018) theo lời mời của Viện hội thảo chuyên đề Văn học Berlin và Viện Goethe; họ đại diện cho văn học đương đại ở nhiều thể loại khác nhau, thơ và tiểu thuyết đứng cạnh những văn bản mang tính báo chí và lý thuyết.

Dựa trên lời mời của chúng tôi, những tiểu luận của **Fatma Aydemir, Julia Franck, Fabian Hischmann, Anja Kampmann và Judith Zander** cho chúng ta những cái nhìn sâu hơn về công việc của các tác giả khác nhau, những người viết về những ảnh hưởng văn chương, ngôn ngữ, tiểu sử cũng như về những nhọc nhằn thường nhật trong việc tìm kiếm ngôn ngữ riêng của chính họ. Chúng tôi trân trọng mời độc giả Việt Nam tham dự với những vị khách này qua các bài viết và chia sẻ của họ, cùng trao đổi các quan điểm đa dạng về văn học và xã hội.

LITERATURE TANDEM

SÓNG ĐÔI VĂN HỌC

Literature Tandem brings to Hà Nội and Sài Gòn, for the first time ever, writers from different cities of Germany: **Anja Kampmann, Judith Zander, Fabian Hischmann, Julia Franck, and Fatma Aydemir** in the company of Vietnamese writers **Hải Yến, Du Nguyên, Nguyễn Hoàng Quyên, Maik Cây, Trang Hạ, Trương Quý, and Tố Linh**. The invited Vietnamese writers, with different perspectives on literature and society, share a passion for experiments in writing and freedom of expression. As the strangers from elsewhere meet the insiders, together they share their own stories, make a zine at a local printer, open their voices in readings and panel discussions with the audiences of Hà Nội & Sài Gòn, meet with students in universities, and leave their traces on many alleys throughout the two cities, day and night. All will inevitably turn into word memories.

Sóng đôi văn học mang tới Hà Nội và Sài Gòn, lần đầu tiên, những nhà văn từ nhiều thành phố khác nhau của nước Đức: **Anja Kampmann, Judith Zander, Fabian Hischmann, Julia Franck, Fatma Aydemir** với sự đồng hành của các cây viết Việt Nam **Hải Yến, Du Nguyên, Nguyễn Hoàng Quyên, Maik Cây, Trang Hạ, Trương Quý, Tố Linh**. Những nhà văn Việt Nam được mời, với nhiều quan điểm văn chương và xã hội đa dạng, cùng chia sẻ niềm đam mê với những thể nghiệm văn chương và biểu đạt tự do. Người lạ, kẻ quen, họ mở ra các câu chuyện riêng-chung, cùng làm ấn phẩm tại xưởng in và mở giọng cùng nhau trong những buổi đọc & trò chuyện với khán giả Hà Nội & Sài Gòn, gặp gỡ sinh viên đại học, và để lại dấu chân trên các ngõ phố khi cùng dạo chơi ngắm nhìn các thành phố ban ngày và ban đêm. Tất cả sẽ thành những kí ức chữ.

HIGHLIGHTED EVENTS | SỰ KIỆN NỔI BẬT

HÀ NỘI

SUNDAY 04/11/ 2018

19:00 - 22:00 Hà Nội Greetings | Chào Hà Nội

Welcome Dinner | Bữa tối chào mừng

Private event with invited guests | Sự kiện riêng với các khách mời

MONDAY 05/11/2018

09:00 - 11.30 Group visiting places | Thăm các nơi chốn nghệ thuật

Private event for writers. | Sự kiện riêng cho các nhà văn

14:30- 16:30

Judith Zander, Anja Kampmann, Fabian Hischmann with students at HANU.

Judith Zander, Anja Kampmann, Fabian Hischmann với sinh viên Đại học Hà Nội

Location | Địa điểm: *Hanoi University, 9 Nguyễn Trãi, P. Văn Quán, Thanh Xuân, Hà Nội*

TUESDAY 06/ 11/2018

Panel discussions || Thảo luận nhóm

Manzi Art Space, 14 Phan Huy Ích, Hanoi

9:00am- 18:00pm

Germany and Vietnamese | Dịch Đức - Việt

Free public events | Các sự kiện mở cho công chúng

8 AM - 9 AM: Welcome tea | Trà sáng

9 - 11 AM: Panel 1 || Thảo luận 1

Her-story: feminine experiences in writing: How does the female experience present and represent itself in writing? What does it mean to be a female writer and/or at the same time, a journalist, an activist in societies? How would you tell a history from women's eyes? What's the dialogue that could occur between female writers and male writers? Are you a feminist?

This issue is not exclusive for female participants.

Lịch sử của cô ấy: trải nghiệm nữ trong văn chương? Trải nghiệm nữ biểu hiện và biểu hiện lại như thế nào trong văn chương? Làm một nhà văn nữ, và/hoặc cùng lúc, một nhà báo, một nhà hoạt động xã hội nghĩa là như thế nào? Có thể kể lại lịch sử từ mắt nhìn người nữ ra sao? Đối thoại nào có thể xảy ra giữa các nhà văn nữ và các nhà văn nam? Bạn có phải một nhà nữ quyền?

Chủ đề này không độc quyền cho các tác giả nữ.

with || với: **Julia Franck, Trang Hạ, Fatma Aydemir, Tố Linh**
moderator || điều phối: **Đặng Hoàng Giang**
translator || dịch giả: **Lê Quang**

11:30-13:00: Lunch

13.30- 15.30 Panel 2 || Thảo luận 2

Poetry & translation: traversing borders: How is a life lived across several languages? How does a poet translating poetry? What do you learn from (translating) other poets? What kinds of experiments in translation can open up new possibilities for language? How do you live with your own languages in the globalized world and if English is not your mother tongue? To what extent is a nation and national identity defined by language? Could we speak the same language?

Thơ & dịch thơ: băng ngang các đường biên: Một cuộc sống băng ngang các ngôn ngữ là như thế nào? Một nhà thơ dịch thơ sẽ ra sao? Bạn học gì từ việc dịch những nhà thơ khác? Những thể nghiệm gì trong dịch có thể mở ra những khả năng mới của ngôn ngữ? Bạn sống với ngôn ngữ của mình như thế nào trong thế giới toàn cầu hoá nếu tiếng Anh không phải tiếng mẹ đẻ của bạn? Ngôn ngữ định nghĩa quốc gia và căn cước quốc gia ở mức độ nào? Liệu ta có thể nói cùng một thứ tiếng không?

with || với: **Anja Kampmann, Hải Yến, Judith Zander.**
moderator || điều phối: **Nhã Thuyên**
translator || dịch giả: **Lê Quang**

Panel 3 || Thảo luận 3

15.45 - 17.45 PM

Belongings: where is home? This panel brings together writers who share a concern for young urban dwellers and constantly question their identities and life directions. How are young people portrayed in their writings? Is there a difference between life on the page and the actual life of the author? What does the present and future look like in young people's eyes, and is there a future? How do we find the connection between the past and the present?

Thuộc về: nơi nào là nhà? Thảo luận này kết nối các nhà văn có mối bận bịu đặc biệt về những người trẻ đô thị và không ngừng tra vấn bản sắc và những định hướng cuộc đời của người trẻ. Những chân dung người trẻ được khắc họa như thế nào trong sáng tác của họ? Cuộc sống trên trang viết của nhân vật và cuộc sống của tác giả có gì khác biệt? Hiện tại và tương lai trong mắt những người trẻ như thế nào, và có một tương lai hay không? Làm thế nào chúng ta kết nối quá khứ và hiện tại?

with || với: **Fabian Hischmann, Trương Quý, Maik Cây**
moderator || điều phối: **Nick M.**
translator || dịch giả: Lê Quang

WED, 07/ 11/ 2018

09:00-12:00: Group visiting places | Thăm các nơi chốn nghệ thuật

Private event for writers. | Sự kiện riêng cho các nhà văn

15:00-17:00: Afternoon tea: Writers meet with publishers and presses |

Gặp gỡ các nhà xuất bản và báo chí

Private event with invited guests | Sự kiện riêng với các khách mời

Location | Địa điểm: *The Friedrich Ebert Foundation, 7 Bà Huyện Thanh Quan*

German and Vietnamese writers meet the representatives from significant Vietnamese publishers: Nhã Nam, Trẻ, Kim Đồng, Alpha Books, Women's publishing house as well as the representative from the Literary Colloquium Berlin Berlin to discuss their interest in writing programs and publishing collaborations.

Private event with invited guests and writers.

Các nhà văn Đức và Việt Nam gặp gỡ những đại diện từ các nhà xuất bản quan trọng của Việt Nam: Nhã Nam, Trẻ, Kim Đồng, AlphaBooks, Phụ Nữ, cùng với đại diện của Viện hội thảo chuyên đề Văn học Berlin để chia sẻ mối quan tâm về các chương trình viết và hợp tác xuất bản.

Sự kiện riêng với các khách mời

19:30-21:00: Reading Night : Tandem through Hanoi

Location | Địa điểm: *Blue Bird, 13-19 Đặng Dung*

Enjoy a night of reading and performances with German and Vietnamese writers **Anja Kampmann, Judith Zander, Fabian Hischmann, Julia Franck, Fatma Aydemir, Trang Hạ, Trương Quý, Hải Yến, Tố Linh, Maik Cây** in a beloved cafe-book space in town.

Thưởng thức đêm đọc và trình diễn với các nhà văn Đức và Việt Nam **Anja Kampmann, Judith Zander, Fabian Hischmann, Julia Franck, Fatma Aydemir, Trang Hạ, Trương Quý, Hải Yến, Tố Linh, Maik Cây** tại một không gian cafe sách thân thuộc của Hà Nội.

MC by | Dẫn chương trình: **Trương Quý & Hải Yến**

THURSDAY, 08/11/2018

Group activities: Sightseeing Hanoi

FRIDAY 09/11/2018

09:00-11:00: Julia Franck and Fatma Aydemir at Hanoi University | Julia Franck and Fatma Aydemir gặp gỡ sinh viên Đại học Hà Nội.

Location | Địa điểm: *Hanoi University, 9 Nguyễn Trãi, P. Văn Quán, Thanh Xuân, Hà Nội*

Travel to Saigon

HIGHLIGHTED EVENTS | SỰ KIỆN NỔI BẬT

SÀI GÒN

SATURDAY 10/11/2018

09:00-19:00

Making Zine with Riso Printing Workshop | Làm ấn phẩm chung tại Xưởng in Riso

Location | Địa điểm: *KhoMuc Studio & Inpages Saigon - 4 Lê Văn Miến, Thảo Điền, District 2.*

In collaboration with AJAR press & Khomuc Printing Studio & Inpages | Hợp tác với AJAR & Xưởng in Khô Mực & Inpages

German and Vietnamese writers pair up to hand write and draw on A3-sized paper (each sheet is equivalent to four A5-sized sheets). The final works will be scanned by a riso printer, and together they'll be printed, cut and folded into a collective publication.

Các nhà văn Đức và Việt cặp đôi để cùng viết - vẽ tay trên giấy A3 (tương đương 4 trang A5). Tác phẩm sau cùng được quét bằng máy in riso, và được in, cắt, gấp thành một ấn phẩm chung.

With | Với: Judith Zander, Anja Kampmann, Fabian Hischmann, Julia Franck & Fatma Aydemir, Nhã Thuyên, Nick M, Quyên Nguyễn, Du Nguyễn

SUNDAY 11/11/2018

16:00-Late night: From Sunset to Sunrise: a night of reading & performance
Từ chiều tối sáng: một đêm thơ và trình diễn

Location | Địa điểm: *Bann Bar, 71 C Đồng Khởi, District 1*

A special night of reading and performance, music and drink from Sunset to Sunrise, in a charming rooftop bar of Saigon.

Một đêm đọc và trình diễn, với giọng, âm, đồ uống, từ chiều tối sáng, tại một không gian trên mái ngậm phố Sài Gòn.

Readers | Người đọc: Judith Zander, Anja Kampmann, Fabian Hischmann, Julia Franck
& Fatma Aydemir, Nhã Thuyên, Nick M, Quyên Nguyễn, Du Nguyễn & Open Mic
MC by | Dẫn chương trình: Nguyễn Hoàng Quyên and Paul

MONDAY 12/11/2018

09:00-12:00: A day tour in Saigon | Dạo chơi Sài Gòn

14:00: German writers at University of Social Sciences and Humanities (USSH) | Nhà văn Đức gặp gỡ sinh viên Đại học Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn

Location | Địa điểm: *10-12 Đinh Tiên Hoàng, Bến Nghé, District 1*

WRITERS & MODERATORS

NHÀ VĂN & ĐIỀU PHỐI

ANJA KAMPMANN



Anja Kampmann was born in Hamburg in 1983 and lives in Leipzig. She studied at the University of Hamburg and at the German Institute for Literature in Leipzig. She's published poems and essays on musicality and silence in the late works of Samuel Beckett in several anthologies and magazines such as *Akzente*, *Neue Rundschau*, *Wespennest* and *Jahrbuch der Lyrik*. Since 2011, she's been working at Deutschlandfunk, NZZ and other radio stations. In Leipzig, she collaborated with Forma and founded *Techtonics*, a series of new poetry and music events.. She was awarded the MDR

Literaturpreis in 2013, followed by the Wolfgang Weyrauch-Förderpreis at the Literarischer März in Darmstadt in 2015. Her first collection of poetry "Proben von Stein und Licht," published in 2016, was nominated for the Ulla-Hahn-Literature Prize. Her first novel "Wie hoch die Wasser steigen" was published in 2018.

Anja Kampmann sinh năm 1983 tại Hamburg, hiện sống tại Leipzig. Cô học Đại học Hamburg và Viện Văn Học Đức ở Leipzig. Cô đã xuất bản nhiều bài thơ và tiểu luận về chủ đề âm nhạc và im lặng trong tác phẩm thời kỳ sau của Samuel Beckett cho một số tuyển tập và tạp chí tiếng Đức như *Akzente*, *Neue Rundschau*, *Wespennest* and *Jahrbuch der Lyrik*. Kể từ năm 2011, Kampmann làm việc cho đài Deutschlandfunk, NZZ và nhiều kênh khác. Tại Leipzig, cô phối hợp với tổ chức Forma sáng lập chuỗi sự kiện *Techtonics* cho thơ và âm nhạc mới. Tác giả nữ trẻ này được trao giải MDR Literaturpreis năm 2013 và tiếp theo là giải thưởng Wolfgang Weyrauch-Förderpreis tại Literarischer März ở Darmstadt năm 2015. Tuyển thơ đầu tay của cô "Proben von Stein und Licht" (t.d: "Các mẫu đá và ánh sáng") xuất bản năm 2016 được đề cử giải thưởng Ulla-Hahn-Literature. Năm 2018, Kampmann ra mắt tiểu thuyết đầu tay với nhan đề "Wie hoch die Wasser steigen" (Nước dâng cao tới đâu).

Poems by | Thơ của **Anja Kampmann**

English Translations | Bản dịch tiếng Anh © **Wieland Hoban**

Vietnamese translation | Bản dịch tiếng Việt © **Hải Yến**

condensed water

and so are the days
namely more like forgetting
the averted glance when
the early evening soaks into your clothes

the transitions to earlier
which you become
more like. Drifting on this old steamship toward the Atlantic, Cuba
so are the days
lightly -
the gondolas fall
fall like each step
type cases with dried moths
a collection
that fades away like a whipcrack in the dark.

nước ngưng tụ

và cứ thế những ngày
hầu như là lãng quên
ngoảnh nhìn khi
đêm sớm thấm vào y phục mình

chuyển tiếp tới bình minh
khi mình trở nên
gần mình hơn. Lênh đênh trên tàu hơi nước cũ về phía Đại Tây Dương, Cuba
và cứ thế những ngày
nhẹ lãng-
mái chèo rơi
rơi như thể mỗi nhịp
vỏ máy đánh chữ cùng bướm khô
một bộ sưu tập
tan đi như bom nổ trong đêm

About the Sea

The horizon is the concern here the
distance applying color the bright crackling
of surfaces of light and the spreading
of the light as it surges the sea
within its broad chest the putrid sludge
of the fishmeal factories the sea of romantic
fires on the gravel beaches travelers
now losing themselves forever
in a distant view the sea in the harbors, the docks
the container areas licking the sea
beneath cranes all heaving the
homesickness nightwards the sea of moray eels
lurking back behind a rock
the sea of the deep with a hidden image
for the dreams of the sea
that vanished in the sea bottomless
the trenches above it all a mosaic of flakes
streaming tough thick field of dirt the sea
that is so well concealed gasping for air within
its broad chest and snatching at
itself.

Về đại dương

Chân trời là mối bận tâm ở đây
khoảng cách áp màu những bề mặt
nứt rạn của ánh sáng và sự toả lan
của ánh sáng khi tràn vào đại dương
trong lồng ngực mênh mang của nó chất thải đặc quánh từ những nhà máy bột
cá đại dương của những ngọn lửa tình tứ
trên sỏi cát những lữ khách biển
lúc này đánh mất mình vĩnh viễn
từ xa xăm ngóng đại dương trên bến cảng, vũng tàu
khu vực côngtenơ liếm đại dương
phía dưới cần trục nhắc bóng
hoài niệm về phía đêm đại dương của cá lịch
nấp mình sau đá tảng
đại dương của tầng sâu cùng một ảnh tượng ẩn
cho những mộng mơ về biển
tan biến nơi đại dương bất tận
mọi bờ hào phía trên những miếng ghép bỏ sót
hải lưu đặc quánh bụi đại dương
ẩn mình hỗn hển vớt lấy không khí trong
lồng ngực rộng mênh mang và tự chộp lấy mình

FABIAN HISCHMANN

Fabian Hischmann (born 1983 in Donaueschingen), lives in Berlin. He studied literature and cultural studies in Hildesheim and Leipzig. In 2008 and 2009 he worked as an assistant director at the city theaters of Heidelberg and Freiburg. He publishes cultural journalistic texts in magazines such as *Mag*, *Sissy* and *Siegessäule*.



His debut novel *Am Ende schmeißen wir mit Gold* (In the end, we throw gold around) appeared in 2014. It is about the boredom of prosperity and the confrontation with one's own past. The book was nominated for the Leipzig Book Fair Prize. In 2017, his second novel *Das Umgehen der Orte* (The Bypassing of Places) appeared. A coming-of-age story. Young people are looking for a life from the crises and traumas of childhood. A figure mosaic whose overall picture describes the adolescent state of aggregation of disorientation and points to the near future.

Fabian Hischmann sinh năm 1983 ở Donaueschingen, hiện sống ở Berlin. Anh học Văn học và Nghiên cứu văn hoá ở Hildesheim và Leipzig. Năm 2008 và 2009, Hischmann là trợ lý đạo diễn tại các nhà hát thành phố Theater der Stadt Heidelberg và Theater Freiburg tätig. Anh đã xuất bản các bài viết về văn hoá tại các tạp chí như *Mag*, *Sissy* và *Siegessäul*.

Tiểu thuyết đầu tay của anh *Am Ende schmeißen wir mit Gold* (t.d, *Rốt cuộc chúng ta ném vàng đi*) ra đời năm 2014, kể về sự tẻ nhạt của cuộc sống giàu có, và mối xung đột với quá khứ của chính mình. Tiểu thuyết này được đề cử giải thưởng tại Hội chợ sách Leipzig. Tiểu thuyết thứ hai của Fabian Hischmann ra đời năm 2017 với nhan đề *Das Umgehen der Orte* (*Tránh các địa điểm*), một câu chuyện cho tuổi mới lớn. Những người trẻ tuổi đi tìm cuộc sống từ chấn thương và khủng hoảng thời thơ ấu. Một bức khảm từ muôn mảnh đời, tập hợp thành một bức tranh toàn cảnh miêu tả trạng thái mất định hướng và tâm điểm tương lai của tuổi trẻ.

“Arriving in the garden, I pause for a moment and take stock of the situation: off to the right there’s another young man sitting on a beer bench in the sun, he nods at me cheerfully. His hair is short and very blond. He’s carefully picking currants and tossing them into a bowl with quark. Straight ahead are vegetable beds, I recognize zucchini and tomato plants, and beyond that there’s a meadow with three fruit trees. In the half-shadow of the trees sits a table, covered with a tablecloth, and a woman is sitting at the table cutting bread. There’s a grill set up next to the table and Maria and Jan are standing in front of it. He’s fanning the flames with a piece of cardboard, she’s smoking, flicking the ash off, watching the poisonous powder float away, and in so doing sees me. Her dress is sea-blue with a white triangle on the chest. She waves hello. Jan, too, turns briefly toward me and then turns away again. I cautiously raise my hand as if I’m a hesitant bidder at an auction and the object being sold is out of my price range. Anton reaches the table and kisses the woman.

I tromp over too, walking as casually as can be.”

“Đến vườn, tôi dừng lại một giây để xem xét tình hình: phía bên phải có một gã trai trẻ khác đang ngồi trên ghế dài dưới nắng, gã này gật đầu với tôi vui vẻ. Tóc gã ngắn và vàng óng. Gã đang cẩn thận nhặt mấy quả lý đen bỏ vào một bát đựng phô mai chua. Trước mặt có mấy luống rau, tôi nhận ra có bí ngòi với cà chua, còn đằng xa nữa là một bãi cỏ với dăm ba cái cây ăn quả. Dưới bóng đổ của mấy cái cây toạ một chiếc bàn, trên phủ một tấm khăn, và một cô nàng đang ngồi bên bàn cắt bánh mì. Có cả một bếp nướng đặt cạnh bàn và Maria với Jan đang đứng ngay đó. Cậu chàng quạt lửa bằng một tấm bìa các tông, còn cô nàng đang vừa hút thuốc, vừa phẩy tàn, vừa ngắm nghía thứ bột tro độc hại ấy bay ra xa, và đúng lúc ấy thì nhìn thấy tôi. Nàng mặc chiếc váy xanh dương với một hình tam giác trắng trên ngực. Nàng vẫy tay chào tôi. Jan cũng quay nhanh lại phía tôi rồi ngoảnh đi ngay. Tôi rụt rè giơ tay lên như một khách chào giá ngập ngừng trên sàn đấu giá và cái thứ đang được chào bán kia quả thật đắt ngoài tầm tiền của tôi. Anton với người qua bàn và hôn cô gái ngồi đó.

Tôi dậm chân tiến tới, cố tỏ vẻ đi lại bình thần nhất có thể.”

(From AM ENDE SCHMEISSEN WIR MIT GOLD/ĐẾN HỒI SAU CUỐI CHÚNG MÌNH SẼ VUNG VÀNG KHẮP NƠI - Maik Cây dịch từ bản tiếng Anh của **TIM MOHR**)

JUDITH ZANDER



Judith Zander was born in Anklam, a town in the Western Pomeranian region of Mecklenburg-Vorpommern, Germany, in 1980 and now lives in Berlin. She studied German Literature, English Literature, as well as Medieval and Modern History in Greifswald. She subsequently studied at the Deutsches Literaturinstitut (German Institute for Literature) in Leipzig. In addition to writing poetry and prose, she translates English literature and is currently translating an early collection of poems by Sylvia Plath. Judith Zander has received numerous awards for her work, including the poetry prize at the

“Open Mike” (Literaturwerkstatt Berlin) in 2007 and the Wolfgang-Weyrauch-Förderpreis in 2009. Her first novel, *Dinge, die wir heute sagten*, appeared in 2010 and was awarded the Sinecure Landsdorf prize. It was also nominated for the Deutscher Buchpreis (shortlist). Her first collection of poetry, *oder tau*, appeared in 2012.

She’s also a member of PEN in Germany.

Judith Zander sinh năm 1980 ở Anklam, một thị trấn phía Tây Pomeranian của vùng Mecklenburg-Vorpommern, Đức và hiện sống ở Berlin. Cô học Văn học Đức, văn học Anh và Lịch sử Hiện đại và Trung cổ ở Greifswald, sau này tiếp tục nghiên cứu văn học Hà Lan tại Viện Văn Học Leipzig. Cùng với việc làm thơ và viết văn xuôi, cô dịch văn chương tiếng Anh và hiện đang dịch một tập thơ của Sylvia Plath. Judith Zander đã nhận nhiều giải thưởng cho tác phẩm của mình, bao gồm giải thơ tại “Mic Mở” (Literaturwerkstatt Berlin) năm 2007 và giải thưởng Wolfgang-Weyrauch-Förderpreis năm 2009. Tiểu thuyết đầu tay của cô, *Dinge, die wir heute sagten* (t.d:Những điều chúng ta nói hôm nay) xuất bản 2010 đã nhận giải thưởng Sinecure Landsdorf, đồng thời lọt vào chung khảo giải Deutscher Buchpreis. Tuyển thơ đầu tiên của cô *oder tau* (t.d: *hay là sương*) ra mắt năm 2012.

Cô cũng là thành viên của Trung tâm PEN tại Đức.

Poems by | Thơ của **Judith Zander**

Originals from Judith Zander, oder tau

© Deutscher Taschenbuch Verlag GmbH, München 2011

English Translations | Bản dịch tiếng Anh © **Bradley Schmidt**

Vietnamese translation | Bản dịch tiếng Việt © **Hải Yến**

tableau

albeit in the small hours behind sailor hill
the landscape interpreted and read
in this area bar code
of the ditches silver multipliers casual
ancestors of low voltage the livestock
comme il faut like
with glooming landscapes pre-artist colonial as
ever the choice
between two heavenly products one
halo humble cumili
condensing
a further horizon

hoạt cảnh

không kể đôi giờ phía sau
đôi thủy thủ
phong cảnh được đọc và diễn dịch
ở vùng này mã vạch
những mương rãnh bội số bạc
thường tình
tổ tiên của điện áp thấp giống súc vật
đúng mực như thế
cùng phối cảnh âm đạm tiên-nghệ sĩ
thực dân
hơn bao giờ chọn lựa
giữa hai sản phẩm tuyệt trần một
hợp chất hào quang khiêm nhường
ngưng tụ
một chân trời xa xôi

anomaly

half past three minus five
degrees my hair is a
city grass windswept I
am in the dregs
of the night are the trams non-
existent dragons
on the piles
of eyes crystals
form in the head
virtiginous sighs like
with ice when it secretly shifts

bất thường

ba phút rưỡi năm
độ tóc mình là một
thị trấn cỏ lộng gió mình
chìm trong cận đêm tàu điện
những con rồng hư vô
trên cột trụ
mắt pha lê
định dạng nơi não bộ
bàng hoàng thở dài như thể
cùng băng bí mật trôi

JULIA FRANCK



Julia Franck (born 1970 in Berlin-Lichtenberg) writes poetry and prose.

Julia Franck studied Old American Studies, German Studies and Philosophy. For her texts and eight books she received numerous awards, prizes and scholarships. In 2007 she was honored with the German Book

Prize (dbp) for the novel “Die Mittagsfrau” (The Midday Woman). The novel sold a million times. Her novel *Campfire* was filmed in 2013 under the title “West” with Christian Schwochow as film director.

Julia Franck sinh năm 1970 tại Berlin-Lichtenberg, viết thơ và văn xuôi. Cô học chuyên ngành môn Hoa Kỳ học cổ điển, ngôn ngữ học Đức và triết học. Với nhiều bài viết và 8 tác phẩm, Julia Franck đã nhận được nhiều bằng khen, giải thưởng và học bổng. Năm 2007 cô được vinh danh với giải thưởng sách Đức cho tiểu thuyết *Die Mittagsfrau* (t.d. *Người đàn bà buổi trưa*). Cuốn tiểu thuyết đã bán được một triệu bản và được chuyển diễn với nhiều kịch bản sân khấu khác nhau. Tiểu thuyết *Lagerfeuer* (*Lửa trại*) được dựng thành phim năm 2013 dưới nhan đề “Western” (Miền Tây) dưới đạo diễn của Christian Schwochow.

<http://www.juliafranck.de>

Deutsche Sprache als Werkzeug meiner Kunst

Julia Franck

Sprache gelangt dorthin, wohin kein Auge sehen kann und entfaltet insbesondere in ihrer literarischen Form Welten, die anders weder erfahrbar noch dem inneren Auge sichtbar werden könnten. So kann Sprache eine akustisch nicht hörbare Stimme erzeugen, eine verborgene Seele erkunden, aber auch im Außen nicht sichtbare Bilder vor dem inneren Auge entstehen lassen. Auf diese Weise lassen sich Lieder dichten und zeitlich komplexe Geschichten zugleich vom Vergangenen und Zukünftigen, von Erfahrung und Erwartung, ja Imagination erzählen, indem sie verborgenen Schmerz wie auch Verlangen im Sinne von Lust, Gier, Begehren diesseits des Menschen und jenseits des Materiellen erfahrbar macht, zur Kenntnis bringt.

Literatur reizt, sie stimuliert und provoziert, erregt Glück, Assoziation und Denken. Sie lässt ihre Liebhaber in der Reduktion und Verdichtung teilhaben am Unbekannten, das mit der vertrauten Erfahrungswelt des Lesers korrespondiert. Sie stiftet Erkenntnis, doch Erklärung und Einordnung, Deutung und Wertung des Erfahrenen überlässt sie dem Leser.

Im Unterschied zur Realitätsabbildung erzeugt Literatur Freiheit, da sie die Wahrnehmung und Erkenntnis von Schönheit und Wahrheit induziert. Wo sie sinnlich, moralisch und intellektuell keinem vorgegebenen Format und keiner Beschränkung unterliegt, kann sie leicht zwischen dem Historischen mit dem Chaotischen der Gegenwart oszillieren.

In der deutschen Literatur kennen wir Goethes Faust ebenso wie Kafkas Prozess, Grimms und Hauffs Märchen, eine Jahrhunderte währende Tradition von Gedichten und alte Volkslieder, doch ist die Referenzwelt der Literatur nicht allein sie selbst. Sprache wird von der Gegenwart bestimmt, sie unterliegt Veränderungen und wird nicht nur kulturell sondern auch politisch geprägt. Durch Krieg und Gewalt verliert sie ihre Leichtigkeit und Unschuld. Sprache ist ein Organismus, dessen Lebendigkeit und Beweglichkeit entlang repressiver Einflüsse vorübergehend erlahmen und nachhaltig seine Codes verändern kann. Sprache erfüllt nicht nur Nutzen, sie kann je nach Nutzung auch missbraucht, abgenutzt und ihrer Bedeutung entleert, verkehrt, verändert werden.

Wie und worüber konnten deutsche Schriftsteller nach dem zweiten Weltkrieg noch schreiben? Welche Geschichte wollten sie sich selbst und der Welt erzählen,

und welche Lieder einander singen? Die Stimme des Deutschen aus dem Land der Dichter und Denker, „hatte einen Riss bekommen“, und dieser Riss war nicht ihr erster und nicht schuldlos entstanden, wie etwa die Welt von Büchners Lenz einen Riss bekommen hatte. Es verwundert also nicht, dass die deutsche Sprache und Literatur in den Jahrzehnten nach dem Krieg von einem veränderten Bewusstsein und neuer Umsicht, Rücksicht wie Vorsicht geprägt war, wenn nicht verstummt. Es ist vielleicht ein Glück für die deutsche Literatur, dass der höchste Ehrenpreis, der Büchner-Preis, in den Jahren des Nationalsozialismus von 1933 bis 1944 nicht vergeben wurde. Die Deutschen waren zu Nationalisten und Mördern geworden und die Literatur jener Jahre hatte ihre Freiheit wie ihre Schönheit verloren.

Selbst wenn es eine Aufarbeitung geben sollte, kam sie nur mühsam voran. Joseph Roth und Stefan Zweig waren im Exil gestorben. Nach Anna Seghers und Paul Celan, um den es zuvor einen bitteren Streit gegeben hatte, erhielten die exilierten und herausragenden deutsch-jüdischen Schriftstellerinnen wie Mascha Kalecko, Else Lasker-Schüler und Rose Ausländer für ihr Werk auch nach dem Krieg keine Ehre. Nicht einmal Ilse Aichinger wurde in Deutschland geehrt. Einzig Nelly Sachs wurde - wenn auch nicht in Deutschland - so von ihrem Zufluchtsort in Schweden mit dem Nobelpreis ausgezeichnet. Ihr Mut wie auch der Celans lag in der genauen Sprache, dem Benennen von Auschwitz, in der Klage, in der Trauer. Zugleich wurden die jüdischen Autoren für Jahrzehnte auf dieses Thema festgelegt und politisch-literarisch für die Aufarbeitung vereinnahmt.

Dieser kurze Ausflug zum politischen Einfluss auf Literatur und deren Vereinnahmung soll zeigen wie wenig Literatur vor der Gesellschaft und ihrer Politik geschützt werden kann. Sprache wird vereinnahmt (siehe auch die unrühmliche Geschichte deutscher Gedichte für Nationalhymnen), missbraucht für Gesetze und Befehle, die Mord veranlassen und ethisch rechtfertigen.

Die deutsche Sprache, mein Werkzeug der Kunst, wird sich weiter verändern, erholt sich und gewinnt Freiheit zurück, doch ist ihre Eichung und ihr Wesen wohl nie mehr ohne jene Narben denkbar.

Literatur ist Gedächtnis, keine starre Konserve, aber lebendiges Gedächtnis und schafft Gegenwart. Indem wir schreiben und lesen, erfahren wir Zeit in ihrer erstaunlichsten Eigenschaft, der Kontinuität.

Wenn Sprache sich allein in den Dienst des dokumentarisch Ermittlbaren stellt, verpasst sie ihre zeit- und raumüberwindenden Qualitäten. Das Dokumentarische und Journalistische ist in seiner zweifellos wichtigen Funktion am besten im

Video aufgehoben, wo es mithilfe von Bildern und Worten Informationen zu Ereignissen in Echtzeit liefern kann.

Literatur wie Kunst ist das zutiefst subjektiv Menschliche, Wahrheit entspricht allein der subjektiven Erfahrung. Sie ist erkennbar und ermittelbar, sie ist Widerhall auf das Kontinuum von Wirklichkeit und Denken, Subjekt und Kunst.

Tiếng Đức như dụng cụ cho nghệ thuật của tôi

Julia Franck / Thái Kim Lan dịch

Ngôn ngữ xuất hiện nơi con mắt không thể nhìn được và mở ra những thế giới mới đặc biệt nhờ hình thức văn chương của nó, những thế giới mà bằng cách khác không thể trải nghiệm cũng như không thể thấy được trong con mắt nội tâm. Như thế, ngôn ngữ có thể sản sinh ra một thứ tiếng nói vô thanh, có thể khám phá một linh hồn ẩn dấu, nhưng lại cũng có thể làm cho những hình ảnh vô hình bên ngoài hiện ra trước con mắt bên trong. Bằng cách ấy những bài ca tự làm thơ và kể những câu chuyện phức hợp với thời gian đồng hiện quá khứ và tương lai, về kinh nghiệm và ước vọng, cả về tưởng tượng, bằng cách nó làm cho người ta có thể trải nghiệm và biết được nỗi đau thâm kín cũng như khao khát với những thích thú, ham mê, thèm muốn ở phía bên này của con người và ở phía bên kia của vật chất.

Văn chương quyến rũ, thúc giục và thách đố, kêu gọi hạnh phúc, liên tưởng và tư duy. Nó để người tình của mình trong sự giản lược và thi hoá tham dự vào điều chưa quen, điều đó nối kết với thế giới trải nghiệm đã quen thuộc của người đọc. Nó ban phát tri thức, tuy nhiên nó nhường lại cho người đọc việc giải thích và xếp loại, lý giải ý nghĩa và đánh giá điều đã trải nghiệm.

Khác với sự sao chép thực tại, văn chương sản sinh tự do, bởi vì văn chương qui kết tri giác và tri thức về vẻ đẹp và chân lý. Ở đâu trên phương diện ý nghĩa, đạo đức và trí thức văn chương không nằm dưới khuôn khổ ước lệ và dưới sự hạn chế, nó có thể dễ dàng tiếp dao giữa cái lịch sử với cái hỗn loạn của hiện tại.

Trong văn chương Đức, chúng ta từng biết *Faust* của Goethe cũng như *Prozess* của Kafka, cổ tích của Grimm và của Hauff, một truyền thống trải qua nhiều thế kỷ về thơ và dân ca, tuy nhiên thế giới qui chiếu của văn chương không chỉ riêng mình nó. Ngôn ngữ được xác định bởi hiện tại, nó nằm dưới những biến đổi và được ấn định không những về văn hoá mà còn về chính trị nữa. Qua chiến tranh

và vũ lực, nó mất đi tính nhẹ nhàng và sự vô tội. Ngôn ngữ là một cơ cấu, mà nhất thời tính sinh động và linh hoạt của nó dọc theo những ảnh hưởng áp chế bị tê liệt và có thể thay đổi mã số của nó về lâu về dài. Ngôn ngữ không chỉ hoàn thành những lợi ích mà còn bị lạm dụng tùy theo mỗi sử dụng, còn bị xài xể và còn bị tước rỗng, còn bị đảo ngược, bị thay đổi nữa. Những nhà văn Đức đã còn viết được như thế nào và về những gì sau thế chiến thứ hai? Thứ lịch sử nào họ đã muốn kể cho chính mình và cho cả thế giới, và những bài ca nào họ đã muốn hát cho nhau nghe? Tiếng nói của người Đức từ xứ sở của thi nhân và triết nhân “đã bị một vết rách,” và vết xé này đã không phải là vết thứ nhất của họ và không bị gây nên một cách vô tội vạ, tương tự như thế giới của tác phẩm Lenz của Büchner đã bị một vết xé như thế. Như thế không đáng ngạc nhiên khi ngôn ngữ Đức và văn chương Đức trong những thập niên sau chiến tranh được ấn định bởi một ý thức đã được thay đổi và bởi một dẫn đo mới, thận trọng và cẩn trọng, nếu không bật tiếng. Có lẽ đó là một điều may cho văn chương Đức, khi giải thưởng danh giá nhất, giải thưởng Büchner, đã không được trao trong những năm dưới chế độ quốc xã từ 1933 đến 1944. Những người Đức đã trở nên những tín đồ của chủ nghĩa quốc xã và trở thành những kẻ sát nhân và văn chương của những năm ấy đã đánh mất tự do cũng như vẻ đẹp của nó.

Ngay cả khi nếu có một sự canh tân, thì nó cũng chỉ tiến lên một cách khó nhọc. Joseph Roth và Stefan Zweig đã chết trong thời gian lưu đày. Sau Anna Seghers và Paul Celan, mà trước đó đã có một cuộc tranh cãi chua chát về Celan, những nữ văn sĩ Đức-Do thái bị lưu đày và nổi bật như Mascha Kalecko, Else Lasker-Schüle và Rose Ausländer đã không nhận được danh dự nào cho tác phẩm của họ sau chiến tranh. Ngay cả Ilse Aichinger cũng không một lần được vinh danh ở nước Đức. Chỉ duy Nelly Sachs đã được trao giải Nobel - không ở trên nước Đức mà từ nơi trú thân của mình tại Thụy Điển. Sự can đảm của bà cũng như của Celan nằm trong thứ ngôn ngữ chính xác, trong việc gọi tên Auschwitz, trong cáo trạng, trong đau buồn. Đồng thời những tác giả Do Thái đã bị đóng chặt vào đề tài này hàng thập niên sau và bị thu hút vào việc đào xới lịch sử trên phương diện chính trị văn học.

Cuộc dã ngoại ngăn ngừa về ảnh hưởng chính trị trên văn chương và sự thu nhận của nó có mục đích cho thấy văn chương ít được bảo vệ trước xã hội và chính trị của xã hội ấy như thế nào. Ngôn ngữ bị gia nhập (hãy xem lịch sử không về vang của những bài thơ Đức cho những bản quốc ca), bị lạm dụng cho đạo luật và mệnh lệnh, những thứ gây nên cuộc giết người và biện minh đạo đức.

Ngôn ngữ Đức, dụng cụ của tôi cho nghệ thuật, sẽ tiếp tục thay đổi, hồi sức và chiếm lại tự do, tuy nhiên dấu ấn và yếu tính của nó sẽ không thể tưởng tượng được mà không có những vết sẹo kia.

Văn chương là trí nhớ, nó không phải là kho lưu trữ cứng nhắc mà là trí nhớ sống động và sáng tạo nên hiện tại. Bằng viết và đọc, chúng ta trải nghiệm được thời gian trong tính cách đáng kinh ngạc của nó nhất, tính liên tục.

Nếu ngôn ngữ tự đặt mình duy nhất trong việc phục vụ điều có thể thông tin có tính tài liệu, ngôn ngữ sẽ đánh vọt mất những phẩm chất vượt thời gian và không gian. Cái tư liệu và cái phóng sự trong chức năng chắc chắn quan trọng của chúng sẽ được lưu giữ trong phim video, nơi đó nhờ vào hình ảnh và lời nói, thông tin về những biến cố có thể đưa ra trong thời gian thật.

Riêng văn chương cũng như nghệ thuật là thứ nhân bản có tính chủ quan sâu xa nhất, chân lý chỉ riêng tương ứng với kinh nghiệm chủ quan. Chân lý có thể nhận biết và có thể chuyển đạt, nó là tiếng vọng trên dòng liên tục của thực tại và tư duy, chủ thể và nghệ thuật.

FATMA AYDEMIR



Fatma Aydemir (born 1986 in Karlsruhe) is a German-Turkish journalist and writer. She lives in Berlin. Her grandparents came as guest workers to Germany when their parents were teenagers. She studied German and American Studies in Frankfurt am Main. Since 2012 Aydemir has lived in Berlin and worked as an editor for the

daily newspaper *taz*, where she deals with pop culture, literature and Turkey. She initiated the bilingual web portal *taz.gazete* in response to the state repression of press freedom in Turkey. As a freelance writer, she also writes for *Spex* and *Missy Magazine*. In 2017 her debut novel *Ellbogen* (verbally: elbow) was published. It tells a story of escalating violence in a subway station.

Literary criticism was split in their opinion:

Critique Philipp Bovermann from the *Süddeutsche Zeitung* appreciates Aydemir's clear language and feels the book serves two kicks in the stomach: "One for the misogynic Turkish society. And one for the mendacity of the oh so liberal Germans."

Andrea Diener from the Frankfurter *Allgemeine Zeitung*, on the other hand, would have wished for more nuanced observations of the German-Turkish protagonist Hazal: "The author does not attach much importance to us becoming sympathetic to this Hazal in the course of the book, and so she slips away from the reader".

In 2017 Aydemir received the € 10,000 Klaus-Michael-Kühne-Prize of the Harbor-Front-Literature Festival for the best debut novel of the year. She was also the German prizewinner the Franz-Hessel-Prize 2017.

Fatma Aydemir (sinh năm 1986 tại Karlsruhe) là một nhà văn, nhà báo Đức - Thổ Nhĩ Kỳ, hiện sống ở Berlin. Ông bà của cô đến Đức làm công nhân lao động khi bố mẹ cô còn ở tuổi vị thành niên. Aydemir học ngành ngôn ngữ Đức và nghiên cứu Mỹ tại Frankfurt và Main. Từ năm 2012, cô sống tại Berlin và là biên tập viên tờ nhật báo *taz*, tập trung vào mảng văn hoá đại chúng, văn học và người Thổ Nhĩ Kỳ. Aydemir cũng sáng lập ra tạp chí mạng song ngữ *taz.gazete*, nhằm

phản ứng với sự đàn áp tự do báo chí tại Thổ Nhĩ Kỳ. Cô đồng thời là nhà báo tự do, viết bài cho *Spex* và tạp chí *Missy*. Tiểu thuyết đầu tay *Ellbogen* (Cùi chỏ) xuất bản năm 2017 của cô viết về vấn đề leo thang bạo lực ở ga tàu điện ngầm.

Giới phê bình có nhiều phản ứng thú vị với tác phẩm của cô.

Nhà phê bình Philipp Bovermann trên tờ *Süddeutschen Zeitung* thích thú với ngôn ngữ rõ ràng của Aydemir và cuốn tiểu thuyết dọi ra hai cú đấm: Một là về thói ghét phụ nữ trong xã hội Thổ Nhĩ Kỳ. Hai là sự giả dối của xã hội quá chừng tự do kiểu Đức.”

Andrea Diener từ tờ *Frankfurter Allgemeinen Zeitung* trái lại, lại mong muốn nhiều hơn những quan sát đa dạng từ nhân vật nữ chính người Đức gốc Thổ Nhĩ Kỳ Hazal: “Tác giả không đặt nặng việc đọc giả dần đồng cảm với nhân vật Hazal trong tiến trình của cuốn sách, và nhân vật đã dần trượt khỏi người đọc.”

Tác phẩm “Cùi chỏ” nhận được 10.000 Euro tiền thưởng từ giải Klaus-Michael-Kühne-Preis tại Festival văn học Harbour-Front-Literaturfestival cho tiểu thuyết đầu tay xuất sắc nhất. Tác giả đồng thời nhận được giải thưởng Franz-Hessel-Preise cùng năm.

Warum ich schreibe

Fatma Aydemir

Die Autorin Joan Didion schrieb mal in einem Essay: „Ich schreibe, um herauszufinden, was ich denke.“ Vielleicht kommt diese Definition meiner Motivation zum Schreiben am Nächsten. Zu dem Verb „denken“ würde ich allerdings noch das Verb „fühlen“ ergänzen. Ich kann mich erinnern, dass ich als Kind ein Tagebuch führte, indem ich über viele Dinge schrieb, von denen ich eigentlich nicht viel verstand - Erwachsene, Krieg, Liebe. Aber Texte darüber zu formulieren, half mir dabei meine Gefühle zu diesen Themen zu ordnen. Und daran hat sich bis heute nur wenig geändert.

Ich glaube, mittlerweile fällt es mir schwieriger die Dinge so direkt und unverblümt aufzuschreiben, wie ein Kind es tun würde. Denn natürlich schreibe ich nicht nur für mich, sondern auch für einen Leser. Immer wieder mache ich den Umweg über Sätze, von denen ich denke, dass andere sie gerne lesen wollen. Diese Sätze sind nur einen Augenblick lang schön, aber dann funktionieren sie nicht mehr, ich muss sie korrigieren, immer wieder, bis ich sie lösche und zum Kern der Sache komme: bis ich einen Satz so schreibe, wie ich selbst ihn gerne lesen würde. Weil er für mich eine Wahrheit beschreibt. Eine Wahrheit, die man in keinem Lexikon nachschlagen kann. Die man nur in der Literatur, in der Kunst, im Film, oder im Theater finden kann. Eine emotionale Wahrheit.

Ich versuche meine eigene Leserin zu sein. Ich suche die Geschichten, die mich interessieren, ich verwende eine Sprache, die mich fasziniert, ich versuche einen Roman zu schreiben, der in meinem Bücherregal fehlt. So habe ich es bei meinem ersten und einzigen bisher veröffentlichten Roman getan. Ich bin Tochter von türkischen Einwanderern in Deutschland und habe mich oft gefragt: Warum werden in der deutschen Literatur muslimische Migranten und vor allem ihre Töchter immer so einseitig dargestellt? Wieso sind die Figuren immer so langweilig und flach, dass ich mich überhaupt nicht mit ihnen identifizieren kann? Warum sind sie immer so passiv und nett? Niemand ist immer nur nett. So entstand die Geschichte um eine wütende 17-jährige Migrantentochter, die einen deutschen Mann vor die U-Bahn schubst und es nicht bereut.

Es geht beim Schreiben auch um Macht. Es gibt Dinge, gesellschaftliche und politische, mit denen ich absolut nicht zufrieden bin. Selbstverständlich spielen sie eine Rolle in meinen Texten, wenn nicht sogar eine sehr große. Dabei geht es nicht darum, nur mit dem Finger auf andere zu zeigen, sondern auch

um ein wir: Woran scheitern wir als Gesellschaft? Ich nutze mein Schreiben, um den Finger in die Wunde zu legen. Diese Wunde ist meistens auch meine eigene. Unterdrückung, Ausbeutung, Gewalt - das sind schließlich keine abstrakten Themen, sondern für den Großteil der Menschen einfach Realität. Ungerechtigkeiten bestimmen unser Denken, bestimmen die Art, wie wir leben. So bestimmen sie auch mein Schreiben.

Tại sao tôi viết

Fatma Aydemir | Thái Kim Lan dịch

Nữ tác giả Joan Didion đã viết một lần trong một tiểu luận: “Tôi viết, để tìm ra điều tôi nghĩ.” Có lẽ định nghĩa này gắn với động lực viết của tôi nhất. Tuy nhiên thêm vào động từ “nghĩ”, tôi sẽ bổ túc động từ “cảm thấy”. Tôi có thể nhớ lại khi còn bé tôi đã làm nhật ký, bằng cách viết về nhiều thứ, những thứ mà tôi chẳng hiểu gì nhiều - người lớn, chiến tranh, tình yêu. Nhưng lập văn về những điều ấy đã giúp tôi đồng thời xếp đặt được những cảm xúc của mình về những đề tài này. Và cho đến hôm nay điều ấy đã ít thay đổi.

Tôi nghĩ rằng, về sau đối với tôi lại khó hơn khi ghi chép lại những điều một cách thật trực tiếp và không do dự như một đứa trẻ thường làm thế. Bởi vì dĩ nhiên tôi không chỉ viết cho mình mà còn cho một độc giả. Luôn luôn tôi cứ phải quanh co về các câu cú, tôi nghĩ rằng người khác sẽ thích đọc. Những câu văn này chỉ đẹp một khoảnh khắc, rồi chúng không tác động nữa, tôi phải sửa chúng, lui tới mãi hoài cho đến khi tôi xoá chúng và đến được tận hạt nhân của sự việc: cho đến khi tôi viết được một câu, mà chính tôi thích đọc nó như độc giả thích đọc nó. Bởi vì đối với tôi nó diễn đạt một chân lý. Một chân lý mà người ta không tìm thấy trong sách từ điển. Một câu mà người ta chỉ có thể tìm được trong văn chương, trong nghệ thuật, trong phim ảnh, hay trên sân khấu. Một thứ chân lý cảm xúc.

Tôi tìm cách biến thành nữ độc giả của chính tôi. Tôi tìm những câu chuyện làm tôi thích thú. Tôi sử dụng thứ ngôn ngữ thu hút mình, tôi thử viết một cuốn tiểu thuyết đang còn thiếu trên kệ sách của mình. Tôi đã làm như thế cho cuốn tiểu thuyết đầu tiên và duy nhất được phổ biến cho đến bây giờ. Tôi là con gái của một gia đình người Thổ di cư tại nước Đức và thường tự hỏi mình:

Tại sao trong văn học Đức những người tị nạn theo Hồi giáo, nhất là con gái của họ luôn luôn bị mô tả một chiều? Tại sao những nhân vật luôn luôn lại chán phè và hời hợt như thế, đến nỗi tôi không thể đồng hoá với họ được? Tại sao họ luôn thụ động và dễ mẫn? Không ai có thể chỉ luôn luôn dễ mẫn. Như thế hình thành câu chuyện về một đứa con gái người tị nạn giận dữ, đã đẩy một người đàn ông Đức ra trước xe điện ngầm và nó không ân hận.

Viết dính líu đến thế lực. Có những điều, trên phương diện xã hội và chính trị, tôi tuyệt đối không thoả mãn với những điều ấy. Dĩ nhiên chúng đóng một vai

trò trong những văn bản của tôi, nếu không nói là vai rất lớn nữa kia. Trong lúc ấy chuyện chính là không phải đưa ngón tay chỉ trỏ người khác, mà chính là chuyện về một chúng mình, chúng ta: Tại sao chúng ta thất bại với tư cách xã hội? Tôi sử dụng việc viết của tôi để đặt ngón tay vào vết thương. Vết thương này phần nhiều cũng chính là vết thương của tôi. Đàn áp, bóc lột, vũ lực - đó không phải là những đề tài trừu tượng, mà chính là thực tại cho phần lớn người đời. Bất công ẩn định suy nghĩ của chúng ta, ẩn định cách thế chúng ta sống như thế nào. Như thế chúng cũng ẩn định cách viết của tôi.

DU NGUYỄN (SAIGON)



Du Nguyễn was born in 198x, and is currently living in Saigon. She is the author of two poetry collections in Vietnamese, *Mục: Xó xinh. Cười* // *Mục: Corners. Laughter* (2011) and *Khúc lêu hêu mùa hè* // *Rambling Song of Summer* (2014). To her, poetry is a mental movement, intimate to herself and her surrounding world.

Du Nguyễn sinh năm 198x, hiện sống ở Sài Gòn. Nàng là tác giả hai tập thơ tiếng Việt *Mục: Xó xinh. Cười* (2011) và *Khúc lêu hêu mùa hè* (2014). Với nàng, thơ là một vận động tâm trạng, thân mật với nàng và với thế giới quanh nàng.

Du Nguyễn |
English translation by Hà Trang

tôi đã chết trong một tháng tư

tôi thả âm thanh bay đi
trong bóng tối
tháng tư, khăn đặc những giấc mơ màu đỏ
ngày mẹ cắt rốn | như một rời lia vô nghĩa nhất
mùa kinh nguyệt đầu tiên | có lý nào
tháng tư, tháng tư, tôi ngồi đây với | tôi đang bay đi

cứ thế, tôi bay đi
trong một phiên bản khác
tháng tư chưa bao giờ thôi thành thật
bóng tối
tràn từ đầu tháng tới cuối tháng

tiếng nói của tôi, màu tóc của tôi, đôi mắt của tôi, đôi bàn tay của tôi, tôi của
tôi, không phải tôi của ai khác: đang cháy, đang được dịch nghĩa bởi giấc mơ
người lạ
còn tôi thì bay đi
tôi đang biến mất

tôi chỉ còn t
trong muôn vàn âm thanh khác

tháng tư, tóc lại rụng đầy tuổi nhỏ
ngày mẹ cắt rốn, mùa kinh nguyệt đầu tiên, nỗi sợ hãi
tôi đã chết đi một lần
vào tháng tư ấy
có chết đi thêm một lần nữa
cũng không quên được.

I died one april

I let the sound fly away
through the dark
april, hoarse with red dreams

the day mom cut the cord | like the most absurd separation
the first menstrual cycle | perchance
april, april, I sit here with | I'm flying away

like that, I fly away
in a different version
april never ceases to be honest
darkness
spreads from month-start to month-end

my voice, my hair color, my eyes, my two hands, my me, not anyone's me: is
burning, is being defined by strangers' dream
while flying away
I disappear
I remain a
among a plethora of other sounds

april, hair falls over childhood
the cord-cutting day, the first menstrual cycle, the fright
I died once
that april
even one more death
cannot let me forget.

HẢI YẾN



Red (Hải Yến) plays with (sign) language(s), water, mirror and emptiness and sees herself as Borges' Funes the memorious after being thrown by a half-tamed horse and becoming physically paralysed decided to reduce each of his past days to some seventy thousand memories. She is an AJAR (non) human being.

Red chơi với ngôn ngữ (kí hiệu), nước, gương và khoảng trắng và thấy mình tựa tựa Funes của Borges kể có trí nhớ phi phạm sau khi bị quật ngã bởi một con ngựa xanh và trở nên hoàn toàn bất động đã quyết định giảm mỗi ngày quá khứ của mình xuống còn cỡ bảy mươi ngàn ký ức. Y là một (nửa) người nửa mở.

skin

talking to the one that is not here and not here anymore nói với người không ở chốn này và mãi mãi không ở chốn này nữa the one was ever even here kể thậm chí chưa từng hiện hữu doesn't deserve to disappear chỉ có thể tan ra thành các phập phồng talking to the body cơ thể ta là gì? da mềm da ướt da khô da nhờn da nhão da hồng da xanh xao da xước da tróc vảy da chảy máu da mưng mủ da tụ huyết da thối rữa da hoại tử da non da chết da sần sùi da mất hồi năng da căng da bồng chồn da thảng thốt da phập phồng cơ thể là một vũ trụ phập phồng body is a bubble cosmo oscillating cosmo heaving cosmo floating cosmo throbbing cosmo heart-throbbing cosmo swollen cosmo aching cosmo bên dưới là một đại dương đỏ máu ngọt dịu do they say 'in the skin' or 'under the skin'? do they feel 'on the skin' or 'beneath the skin'? do they hurt 'by the skin' or 'the skin'? 'what is the answer?' she said.....'In that case, what is the question?' she said.....'

thirsty skin | da khát ước

hai người đau khổ ngồi kế nhau cùng khát nước. hai người đau khổ nằm song song cùng khát nước. hai người đau khổ nằm dọc cùng khát nước. hai người đau khổ nằm ngang cùng khát nước. hai người đau khổ đứng vuông góc cùng khát nước. hai người đau khổ nằm chân trời cùng khát nước. hai người đau khổ ngắm mây cùng khát nước. hai người đau khổ khát nước cùng trời

hai người trôi theo dòng. hai người trôi ngược dòng. hai người trôi giữa. hai người trôi sắp. hai người trôi lìa. hai người trôi chậm. hai người trôi gần. hai người trôi xa. hai người trôi lơ hổng. hai người trôi miệng cá. hai người mắc kẹt đá. hai người mắc kẹt lá. hai người mắc kẹt xanh. hai người mắc kẹt nước. hai người bị bỏ rơi.

hai người bị bỏ rơi 3 giờ chiều nồm nùng. hai người bị bỏ rơi 1 giờ sáng bóng trùng. hai người bị bỏ rơi 3 giờ sáng cứ giờ ấy dậy tắt đồng hồ và ngồi nhớ người ở Cali cà phê và kẹo mút dở và gương người tóc đỏ không ở chốn này nữa. hai người bị bỏ rơi 12 giờ đêm trên mặt đất lạnh sàn nhà ba con mèo chết. hai người bị bỏ rơi 5 giờ hoàng hôn chảy máu tụ huyết mặt trời trôi cùng hai người bị bỏ rơi hai người bị bỏ rơi. hai người rơi. rơi hai người.

hai người bị bỏ rơi khát nước da tan vào nhau

MAIK CÂY (HANOI)



MAIK CÂY là một người viết. Cậu ta sống và thở trong một căn hầm bí bức, tù mù đầy tranh khảm của ngôn từ. Liên tục lạc đường trong những khu rừng ký hiệu, cậu ta tạo dựng những đối thoại và những bóng ma của đối thoại trên trang viết trong cố gắng lần tìm một con đường khả tín cho sự cứu rỗi riêng tư.

Maik Cây làm phim, viết lách (cuốn sách đầu tay năm 2018 mang tựa Wittgenstein của thiên đường đen), ngắm ngợi trong sáng và ngủ trong tối, hoặc ngược lại, dưới bóng đổ của căn hầm.

“Như con chó không xương, tựa kếp tuông mượn cốt”

/The Doors

MAIK CÂY is a writer. They lives and breathes in a dim, suffocating cellar full of mosaics of words. Constantly lost in the forests of symbols, they creates dialogues and ghosts of dialogues in their writing in an attempt to find a plausible pathway to personal salvation.

Maik Cây makes film, writes (their debut novel entitled Wittgenstein of black paradise was published in 2018), contemplates in the light and sleeps in the dark, or vice versa, under the shadow of their cellar.

“Like a dog without a bone, an actor out on loan”

/The Doors”

1

Ra khỏi âm đạo mẹ và vào thế giới đảo điên - anh được sinh ra, rồi anh sống một thôi một hồi - chìm trôi trong dòng sông cuộc đời, và rồi anh chết. Ở giữa những quang dị thường đó, anh viết. Anh viết vì anh bị điên, bị ám ảnh, được truyền hứng, thật độc đáo hay quá bệnh hoạn; vì anh bị một con quái vật thẳm sâu bên trong hành cho phát điên và phát trầm cảm hoặc bị bóng ma của quá khứ ngốn ruột gan; vì anh phải chịu đựng sự vô vị và trần tục của những ngày dài/dài/dài/dài trong cuộc đời. Viết là hết thấy; viết là không gì; viết là cái nọ, hoặc nơi nao, hoặc ai đó; viết là Hiến Linh của anh và Cứt Đá của anh. Điều quan trọng là anh viết. Tôi viết.

2

Khi viết Wittgenstein của thiên đường đen, tôi tưởng tượng mình như một con cá mù bơi trong vùng biển tối - thứ bóng tối cưu mang cả sự suy đồi và khắc kỷ của đời sống, cả niềm hân hoan và nỗi nhục nhằn của việc được sống và phải sống. Chiêm nghiệm bóng tối ấy trong giả tưởng về một thế giới khác là một nỗ lực khiêm tốn nhằm giải phóng những dòng suy tư riêng mang của tôi và diển dịch những thế giới hằng vây rập lấy tôi.

1

Out of your mother's vagina and into the whirling world - you were born, then you lived for a while - floated along or sank down the river of life, and then you died. At irregular intervals in between, you wrote. You wrote because you were insane, obsessed, inspired, unconventional or ill; because you were driven mad and depressed by an inner monster or eaten up inside by the ghost of your past; because you had to bear with the humdrum and mundane long/loong/looong days of your life. Writing was everything; writing was nothing; writing was something, or somewhere, or someone; writing was your Epiphany and your Excrement. What mattered was you wrote. I wrote.

2

When I wrote Wittgenstein of black paradise, I imagined myself as a blind fish swimming in the shadow of a dark ocean - the shadow that carries both the decadence and stoicism of life, the exultation and torment of being granted and being punished with the gift of life. Musing over that shadow in the imagination of an alternative world was my humble effort to emancipate my own reflections and interpret the worlds besetting me.

excerpts from Wittgenstein of black paradise / trích đoạn từ Wittgenstein của thiên đường đen, English translation by Nguyễn Hoàng Quyên

Trích đoạn 1 | Excerpt 1

Con cá nhà táng dạt vào bãi biển khoảng vài tuần trước, trong một bờ vịnh khá kín đáo, như thể chủ tâm tìm một chỗ yên nghỉ vắng vẻ để không bị làm phiền, kể cả sau khi chết. Chúng tôi lên vào một biệt thự trên đồi để trộm sách, và từ khung cửa sổ lớn nơi phòng khách, tôi đã nhìn thấy nó, ông hoàng của biển cả nằm ủ rũ trong bóng chiều tà. Ông hoàng của chúng tôi - thật khó nghĩ rằng nó là một sinh thể đã chết, hoặc giả như tôi không muốn tin là vậy. Thân hình ngoại cỡ dễ đến gần 20 mét, cái đầu vuông vắn đầy sẹo, con cá nằm dài trên bờ cát trắng với đôi mắt nhắm nghiền hiền lành không khác gì một khách phương xa đang nằm nghỉ sau chuyến đường dài. Chúng tôi mất cả buổi sáng đi vòng quanh con vật tội nghiệp, sờ mó nó, hít ngửi, chụp ảnh và dự đoán xem bao giờ nó sẽ bắt đầu bốc mùi và phát nổ. Sớm thôi, khi cái chết đã ngự trị trên xác thịt yếu hèn.

The sperm whale was washed ashore a few weeks ago, in a secluded bayside, as if it was intentionally looking for a quiet place to rest and not be disturbed, even after death. We sneaked into a mansion on the hill to steal books, and from the large window in the living room I saw it, the king of the sea lying gloomily in the dark afternoon. Our king - it was hard to think of him as a dead being, or maybe I didn't want to believe it. A nearly 20-meter-long body with a square head full of scars, the whale was lying on the white sand with closed and gentle eyes, looking like a visitor resting after a long journey. We spent the morning wandering around the poor animal, examining it, sniffing it, taking pictures, and predicting when it would start to stink and explode. Soon, once death has reigned over helpless flesh.

Trích đoạn 2 | Excerpt 2

Khi tôi đến sát bên cá nhà táng, mùi tử thi bốc ra làm tôi choáng váng đến suýt ngất. Tôi chỉ định doạ lũ ruồi và chim một trận, nhưng chúng chẳng coi những nỗ lực yếu ớt từ mấy cái quờ

quạng của tôi ra gì. Những con quái ruồi ngổ ngáo đánh đồng tôi với ông hoàng thối rữa và bắt đầu bu lấy tôi, hít hà tìm kiếm sự chết trên cơ thể phập phồng của tôi. Tôi đứng im để cảm nhận những cái chân tí hon ấy ngo ngoáy, sục sạo

trên làn da mình. Chúng vo ve với tôi, rằng Cái Chết luôn ở đây với người, Cái Chết luôn ngự trong người, Cái Chết là Chân Lý độc tôn của người, và tôi muốn rống lên, đúng, đúng, mẹ kiếp đúng, bởi cuộc đời hứa hẹn với ta mọi thiên đàng, nhưng cuộc đời đã quịt hết như một gã túng nợ hèn bản, còn chỉ riêng Cái Chết không bao giờ sai lời. Tôi gửi Cái Chết, hít thật căng nó vào lồng ngực. Chúa ở đó và Che ở đó, trong cõi tôi được đầu tiên và còn lại cuối cùng.

When I came closer to the sperm whale, the smell of the corpse made me so dizzy I almost fainted. I simply wanted to threaten the flies and birds, but they were unmoved by the weak effort of my waving arms. The devilish and impudent flies thought the rotting king and I were two of a kind and started to gather around me, sniffing for death on my heaving body. I stood still to feel those tiny legs wiggling and rummaging over my skin. They buzzed me that Death is always here with you, Death is residing in you, Death is your Supreme Truth, and I wanted to roar, yes, yes, damn true, because life promised paradise, and yet life has broken all promises like a cowardly man in debt, but Death alone never breaks its promise. I savored Death, drawing it deep into my lungs. God was there and Che was there, in the first sanctuary granted to me, which remained with me until the end of time.

Trích đoạn 3 | Excerpt 3

Tôi vẫn còn nhớ Che và tôi thường lái nhái với nhau những lời của thằng Jack Kerouac về “khát vọng được chết, được từ bỏ, được từ bỏ hết thảy và quên đi tất cả, được trầm mình trong vì sao tối.” Ôi những mộng mị u tối ngông cuồng. Chúng tôi cứ tưởng mình sẽ sống diên đại huy hoàng và chết diễm lệ như những thiên thần cánh mỏng khi đến hồi sau cuối. Nhưng chúng tôi đã sống nhục nhằn biết mấy, những con sên yếu ớt, bầy nhầy oằn mình gánh trên lưng vỏ ốc phù sinh. Hít thở nhục nhằn, lê bước nhục nhằn, mộng tưởng nhục nhằn. Nhục nhằn tồn tại, nhục nhằn chết trên đại lộ tuyệt vọng mệnh mông.

Khi tôi mở mắt và xung quanh đã là ánh sáng mặt trời của một ngày mới, tôi đã nghĩ về những vì sao tối. Mỗi con người đều có một ngôi sao chiếu mệnh - có những ngôi sao may mắn, có những ngôi sao đen đui, có những ngôi sao thì trung dung và ba phải: tốt khi đi với sao này, xấu khi đi với sao kia. Rồi những ngôi sao còn bị ảnh hưởng bởi sự phối ngẫu dị thường của mặt trăng, mặt trời và đủ thứ thiên thể mặt hạn để cấu thành số phận phức tạp đến từng nano giây của một

sinh vật giống người. Nhưng đầu đó trong những dải thiên hà xa xôi, có những vì sao tối - những vì sao chỉ làm nảy nở bóng đêm trong con người mà nó chiếu rọi vào mà thôi. Tôi tin chúng tôi là những kẻ đã lỡ bước đi dưới vì sao ấy.

I still remember Che and I used to ramble together, citing Jack Kerouac's words about “desiring to die, to give up, to give it all up and forget it all, to die in the dark star.” Such somber and irrational dreams. We thought we were going to live in glorious madness and die in glamor like those angels with thin wings at the end of our stories. But we have lived in misery, like feeble snails, slimily bending our backs to carry the transient shell. Breathing grievously, shambling grievously, dreaming grievously. Grievously existing and grievously dying on a boulevard of boundless desperation.

When I opened my eyes and saw a new day's sunlight all around, I thought about the dark stars. Every human being was born under a fateful star - there are lucky stars, there are unlucky stars, and there are stars that are neutral and flexible: good when accompanied by this star, bad when accompanied by that star. And then the stars are further influenced by the singular combination of the moon, the sun and all kinds of trivial celestial beings as they constitute the complex fate of each human being, every nanosecond of it. But somewhere in the distant galaxies, there are dark stars - the stars that only breed darkness in the human beings they illuminate. I believe we are the ones who unknowingly walked right under those stars.

Trích đoạn 4 | Excerpt 4

Điều gì sẽ xảy ra vào ngày tận thế? Sầu điệu nào sẽ hót buồn thương cõi sống, phù vân nào sẽ trôi trên rặng núi mông lung, hoa trái nào sẽ nở trong đôi mắt kẻ cuồng tín mù lòa, Chúa trời nào sẽ ngã dưới nếp sóng trùng khơi óng bạc?

Tôi đã ngủ một giấc rất dài và rất sâu để chờ đón ngày hôm nay, ngày mà Lúk cho tôi hay là ngày tận thế. Tôi chải tóc gọn gàng, mặc áo sơ mi màu xanh mát và đi đôi giày mà tôi thích. Trong khi Lúk vẫn ngáy pho pho, tôi nằm nghe tiếng bộ sưu tập đồng hồ của hắn tích tắc ồn ã, như thể đang giục giã cái chết mau đến đón chúng tôi. Tôi đọc chú Đại Bi nho nhỏ trong miệng, rồi tự cười mình.

Lúk tỉnh dậy khi tôi đang để Portishead rên rảm trên máy quay đĩa. Hắn gặt gồng và nhắc cái đĩa ra, mặc kệ sự phản đối của tôi và thay bằng một chiếc đĩa khác

của Debussy. Tôi thấy nhớ con mèo của chúng tôi kinh khủng, tôi nhớ Bố kinh khủng, tôi nhớ Mẹ kinh khủng nhất và chưa gì, đã tự nhớ cả hai đứa chúng tôi.

What will happen at the end of the world? Which sorrowful birds will mourn this life, which drifting clouds will hang by the mountains, which flowers will blossom in the eyes of the blind fanatics, which God will fall under the endless folds of the silver sea?

I had a long deep sleep, waiting for this day, the day Lúk told me would be the end of the world. I neatly brush my hair, put on a cool blue shirt and wear my favorite shoes. While Lúk is still snoring, I stay in bed and listen to his collection of clocks ticking loudly, as if urging death to hurry and pick us up. I murmur the Nilaka ha Dhāra ī in my mouth, then laugh at myself.

Lúk wakes up as I am having Portishead moan on the record player. He snaps and removes the record, ignoring my objection and replacing it with a Debussy record. I miss our cat terribly, I miss Dad terribly, I miss Mom most terribly and already, I have started to miss the two of us.

NGUYỄN-HOÀNG QUYÊN



“Someone once pointed at my face and said: The bastard without a family. Without a god. Without a nation. I open a smile and start to sing.”

— “*Một giấc mơ*” (“A Dream,” 1966) by Dương Nghiễm Mậu,
translated by Nguyễn-Hoàng Quyên

Nguyễn-Hoàng Quyên (ir)regularly translate-writes with AJAR, a poetry press-journal in and out of Vietnam. She wonders how a body bears/is born across irreconcilable languagings and worldings.

“Có kẻ đã chỉ vào mặt tôi mà bảo rằng: Thằng vô gia đình. . . vô thần. . . vô tổ quốc. Tôi mỉm cười cất lời hát.”

— “*Một giấc mơ*” (1966), Dương Nghiễm Mậu

Nguyễn-Hoàng Quyên viết-dịch nửa mở theo mùa. Y bản khoán cơ thể ôm mang/ được sinh ra theo những sự chơi ngôn và ngữ bất khả hoà giải như thế nào.

Cut-up and reassembled Vietnamese texts by Nguyễn-Hoàng Quyên, originals by Nguyễn Quốc Chánh (“Syndrome,” “Fucking Skulls Open”), Bùi Giáng (“Sương Tỳ Hải”), Nhã Thuyên (“taste of waters”)

English translation by Nguyễn Hoàng Quyên

Somewhere Better Than This Place

Nowhere Better Than This Place

birds one by one penetrates a gap, disappearing wings disappearing songs, beaks remain, cut open one another's eyes, napes, death lies in wait on a bowed branch, a forest of guns bulges out of soil sockets, weapons shielded under fatbergs, bullets lie deep in the brains

don't know how many times i lie with my face down on sand my eyes gently ajar looking at a sunrise looking til i notice a mutation from red to black it is no longer a scintillating crimson aura it turns into a flickering black hole, it haunts, the blood in my body begins to accelerate & the finest red blood corpuscles hurry down towards my energy center my còck warms and hardens my còck is about to weep my lucky còck is ecstatic my hands dig into sand my belly touches sand my mouth gapes open for sand & my rump reels

we wanted to sleep, sleep incessantly through infinitely sleep, sleep past lives in damp chafe-chasms of perfumed earth, sleep by a green grass zone and see ourselves as herbal beings beside the green grass vault

we have found in the deterioration of flesh and bones a spiritual liberation

and we sleep again, sleep endlessly through hours, increments, sleep ceaselessly while sky floats, sleep as a game with time, sleep longly messily like midday infants ensconced in cots, datelessly in perfumed pregnant air, in the home of living sound waves,

living in our waters, my waters, there is no other way but to be buoyant, several thousand kilometers of coastline, what else to do, i say to chàng,⁽¹⁾ i have not yet known what it's like to truly be buoyant, chàng and i, have we ever been truly buoyant, a dwarfish ferry ride connect the streets to an island too small to infinitely lose oneself in, streets again soon, worry again then forget, how to possibly forget, but being infinitely buoyant to what ends, laughter from the throat springs up out of nowhere, to simply be buoyant, to relish in the taste of water here and elsewhere, to make peace, to stop resisting, so that no endings occur, so

1. translator's note on the Vietnamese word chàng /tɕa:ŋ/

1. pron. second-person ("you") or third-person ("he"), used to address a male, literary

2. n. chisel

3. n. flying frog

that i know whether water is salt or fresh, or bitter salt fresh, is my body salt or fresh, or ultimately tasteless, i make a slip of the tongue, tasteless, and abruptly staggered and grieving, tasteless, is the most desperate state, condition, fate of water, is closure, is a non-adjective adjective, a bastard adjective, an orphaned adjective, a self-drowning adjective, a dead adjective buoyant in oblivion, i do not cease from astonishment, i am confounded like a fateless adjective, then, does chàng have to select an adjective closer to sea or closer to river, that bitter salt fresh taste is it the fate of river or sea?

Bản tiếng Việt do Nguyễn Hoàng Quyên cắt và tái lắp ráp từ văn bản gốc của Nguyễn Quốc Chánh ("Hội chứng," "Đụ Vỡ Sợ"), Bùi Giáng ("Sương Tỳ Hải"), Nhã Thuyên ("vị nước")

Nơi Nào Hơn Nơi Đây

Không Nơi Nào Hơn Nơi Đây

chim lặn lướt xuyên khe, biển mất cánh biển mất tiếng hót, còn lại mỏ, mỏ mắt gáy nhau, chết mai phục trên cành cong, rừng súng mọc từng hốc mắt đất, vũ khí giấu dưới tầng mỡ, đạn nằm sâu trong óc

không biết bao nhiêu lần tôi nằm sấp trên cát mắt lim dim dịu dàng nhìn mặt trời mọc nhìn một hồi tôi thấy có sự chuyển dịch từ đỏ sang đen nó không còn là một quang sáng đỏ lấp lánh nó biến thành một lỗ đen lung linh & ám ảnh máu trong người tôi bắt đầu tăng tốc & lượng hồng cầu ưu tú nhất hồi hải đôn xuống đan điền cặc tôi ấm và cứng cặc tôi rưng rưng cặc tôi mừng húm tay tôi bầu xuống cát bụng tôi áp xuống cát miệng tôi há hốc vì cát & mông tôi xoay

ta đã muốn ngủ, ngủ triền miên bất tận, ngủ suốt kiếp trong hang khe ẩm ướt của đất nông, ngủ bên một vùng cỏ mọc và coi mình như một thú thảo mộc ở bên vòm cỏ mọc xanh

ta đã tìm trong cơn tàn rã của thịt xương một cuộc giải phóng cho tinh thần

rồi ta lại ngủ nữa, ngủ liền miên giờ khắc, ngủ bất tuyệt giờ trôi, ngủ chơi với giờ giấc, ngủ dài dậm duộc như con trẻ nằm trong nôi đặt giữa ngày trời, triền miên trong bầu không khí nông nã, trong ngôi nhà sinh động âm ba,

sống nước mình, nước tôi, không có cách gì khác hơn là bênh bồng, mấy ngàn kilomet bờ biển, còn biết làm gì khác, tôi nói với chàng, tôi chưa từng biết thế nào là thực sự bênh bồng, tôi và chàng, đã bao giờ thực sự bênh bồng, một

chuyến phà ngắn choàn nổi phở xá và một hòn đảo nhỏ không đủ để mình lạc lối vào vô tận, lại phở xá nhanh thôi, lại lo âu rồi sẽ quên, quên thế nào cho nổi, nhưng bình bồng vô tận làm gì, tiếng cười đầu đó trong cuống họng nhảy ra, để bình bồng thôi, để mặn mòi vị nước ở đây và ở những nơi kia, để làm hoà, để thôi kháng cự, để không có kết thúc nào xảy ra, để tôi biết nước mặn hay ngọt, hay ngọt ngào mặn chát, cơ thể mình mặn hay ngọt, hay rút cuộc là vô vị, tôi buột miệng, vô vị, và đột ngọt bàng hoàng đau khổ, vô vị, là tình trạng, điều kiện, thân phận tuyệt vọng nhất của nước, là kết thúc, là một tính từ không tính từ, một tính từ con rơi, một tính từ mồ côi, một tính từ tự trầm mình, một tính từ chết nổi trong quên lãng, tôi không ngớt bàng hoàng, tôi ngỡ ngác như một tính từ không thân phận, rồi, chẳng có nhất định phải chọn một tính từ gần biển hơn hay gần sông, vị ngọt ngào mặn chát đó là thân phận của sông hay biển?

TRANG HÀ



Trang Hà is a writer, marathoner, social activist, and communications consultant based in Hanoi. She has authored numerous best-selling novels and short story collections and has successfully translated many novels and stories from the Chinese. Her work revolves around the topics of the status of women in society, the LGBT community, family lives, and the pursuit of status

and happiness of young Vietnamese. She obtained a Bachelor's degree at the University of Foreign Languages in Hanoi and a Masters of Communications in Taiwan.

Born in 1975 in Hanoi, Trang Ha represents a generation of Vietnamese that was born after the war and that grew up in the context of a fast-changing Vietnam. Under the market economy and the country's opening to the world, social values are redefined dramatically. Trang Ha's generation is made of those who live in a traditional family while competing in a pragmatic, modernizing society.

During twenty years of working in the communications field and many years working abroad as a journalist, Trang Ha gained a comparative perspective between life in Vietnam and abroad, and between the conditions of women in Vietnam and women elsewhere. Trang Ha has actively been calling Vietnamese women to move away from a dependent lifestyle and old-fashioned, constraining, patriarchal values. Trang Ha's writings praise a progressive, financially independent, and emotionally independent woman who has her own opinion on life. In 2015, her statements, magazine articles, and publications ignited millions of discussions on social media in Vietnam, as she called for women's rights and criticized the selfishness of Vietnamese men. UN Women chose her as one of the ambassador for the "He for She" campaign in 2015 in Vietnam.

In 2017, Trang Ha is Vietnamese Forbes list of "Vietnam's 50 Most Influential Women".

In 2018, Trang Ha is the first Vietnamese who ran Boston Marathon.

Trang Ha's facebook Fanpage: 470.000 follower

8/2017- 5/2018: Trang Ha host 39 TV programs at HTV 7th Chanel - Sunday 10:45: Host a women's talkshow about "A home-maker".

Bibliography

Selected publications:

- Play script "Xin lỗi, em chỉ là..." ["Sorry, you're only..."] - Hòa Bình Theater, Ho Chi Minh City 2010
 - Short stories collection "Tình khúc" ["Love songs"] - Youth Publisher 1995
 - Short stories collection "Những đồng lửa bên vịnh Tây Tử" ["The fires by the gulf of Xiziwan"] - Writers' Association Publisher 2007
 - Novel "Chuyện kể dưới ngọn đèn đường" ["Story told under the street light"] - Women Publisher 2010
 - Short stories "Đàn bà ba mươi" [Thirty-year-old women] - Women Publisher 2010
 - Short stories "Đàn ông không đọc Trang Hạ" ["Men don't read Trang Ha"] - Literature Publisher 2012
 - Short stories "Rãnh ngực và tiệc đêm" ["Cleavage and night party"] - Epoch Publisher 2012
 - Ebook: Short stories "Người đàn ông quỳ cuối giường" ["The man kneeling at the bed end"] 2011; Long story "Làng trong phố" ["Village in the city"] 2011, published on Pavibook and Viettel Mbook.
 - Short stories "Tình nhân không bao giờ đòi cưới" - Women Publisher 2014
 - Novel "Chồng xứ lạ" ["The Viet Bride"] - Women Publisher 2016
 - Short stories "Giang hồ chỉ vừa đủ xài" - Youth Publisher 2017
- Translations of novels and stories from the Chinese:
- "Nàng Hằng Nga" ["Hang Nga lady"] - 2 volumes, Trẻ Publisher 2000
 - "Xin lỗi, em chỉ là con đi" ["Sorry, you're only a prostitute"] - Writers' Association Publisher 2007
 - "Mẹ điên" ["Crazy mother"] - Women Publisher 2008
 - "Lỡ tay chạm ngực con gái" ["Accidentally touch a girl's breast"] - Women's Publisher 2009
 - "Sợi dây tình yêu" ["The thread of love"] - Epoch Publisher 2012
 - Ebook "Nghèo đói là trường đại học lớn nhất" ["Poverty is the biggest university"], 2014

Literary Awards

Hương Đầu Mùa 1993, Hoa Học Trò Magazine,
Văn học tuổi Hai Mươi 1995, Tuổi Trẻ Magazine and Trẻ Publisher,
Tác phẩm tuổi xanh 1998, Tiền Phong Magazine,
Writing for the Youth campaign 2004, Writers' Association and Thanh Niên Publisher,
Favorite Author selected by Readers 2012, Fahasa
Favorite Author selected by Readers 2014, Tiki.vn

Website and social media (in Vietnamese)

Facebook.com/blogTrangHa
Email: trangha75@gmail.com

Trang Hạ là nhà văn, người chạy ma-ra-tông, nhà hoạt động xã hội và chuyên gia tư vấn truyền thông ở Hà Nội. Cô là tác giả của nhiều tiểu thuyết và các tập truyện ngắn bán chạy, đồng thời là dịch giả của nhiều tác phẩm nổi tiếng Trung Quốc. Tác phẩm của cô xoay quanh các chủ đề về tình trạng của phụ nữ trong xã hội, cộng đồng LGBT, cuộc sống gia đình và sự theo đuổi vị trí và hạnh phúc của người trẻ ở Việt Nam. Cô tốt nghiệp Đại học Ngoại Ngữ Hà Nội và có bằng thạc sĩ truyền thông tại Đài Loan.

Sinh năm 1975 ở Hà Nội, Trang Hạ tiêu biểu cho một thế hệ người Việt sinh sau chiến tranh và lớn lên trong bối cảnh Việt nam có nhiều thay đổi chóng mặt. Dưới nền kinh tế thị trường và sự mở rộng của đất nước trong mối quan hệ với thế giới, các giá trị xã hội Việt Nam đang được định nghĩa lại một cách dữ dội. Thế hệ của Trang Hạ cấu thành từ những người vẫn duy trì đời sống của một gia đình truyền thống trong khi phải cạnh tranh sinh tồn trong xã hội hiện đại hoá nhiều thực dụng.

Trong vòng hai mươi năm làm việc trong lĩnh vực truyền thông và nhiều năm làm báo tại nước ngoài, Trang Hạ có được cái nhìn so sánh giữa đời sống ở Việt Nam và nước ngoài, giữa các điều kiện của người nữ ở Việt Nam và những nơi khác. Trang Hạ năng động và tích cực kêu gọi người nữ Việt Nam rời xa lối sống phụ thuộc cũ kĩ với những giá trị gia trưởng đầy trói buộc. Sáng tác của Trang Hạ xiển dương những người nữ tiến bộ, độc lập về cảm xúc và tài chính và theo đuổi những quan điểm sống riêng. Năm 2015, những phát ngôn, các bài báo, các ấn phẩm sách của cô đã kích thích hàng triệu thảo luận trên mạng xã hội ở Việt

Nam, khi cô kêu gọi cho quyền phụ nữ và phê phán sự ích kỷ của nam giới ở Việt Nam. Hiệp Hội Phụ Nữ (UN Women) đã chọn cô làm đại sứ cho chiến dịch “He for She/ Chàng vì Nàng” năm 2015 ở Việt Nam.

Năm 2017, Trang Hạ nằm trong danh mục “50 phụ nữ ảnh hưởng nhất Việt Nam” do Forbes Việt Nam bình chọn.

Năm 2018, Trang Hạ là người Việt Nam đầu tiên dự giải chạy Boston Marathon.

Fanpage Facebook của Trang Hạ có 470.000 người theo dõi.

Trích đoạn tiểu thuyết **Chồng xứ lạ** | An excerpt from **Foreign Husband**,

English translation by Hương Nguyễn

“Chồng tôi có người tình kém ông vài tuổi.

Nửa năm đầu sống ở Đài Loan, tôi tưởng cuộc đời tôi đã sang trang mới, những cuộc dạo bộ sáng sớm, ăn sáng bên nhau, chồng tôi chở đi tham quan khắp miền Trung của đảo. Thán là một người đàn ông chăm lo chu đáo, ông tìm địa chỉ những gia đình cưới vợ Việt để chở tôi đến chơi cho đỡ buồn. Ông khoe khắp nơi người vợ trẻ, nhấn mạnh là có tốt nghiệp đại học, không phải loại gái lấy qua môi giới, ông không phải mất tiền!

Đôi khi niềm tự hào của Thán là nỗi ngại ngùng của tôi.

Ở Việt Nam, tôi chỉ biết học, sang Đài Loan tôi tập làm người vợ, Thán tận tình chỉ dạy cho tôi mọi điều, từ bếp núc tới chợ búa, thu dọn nhà cửa. Việt Nam là một xã hội đàn bà xoay quanh đàn ông, lúc nào cũng sợ mình chạy không kịp với đòi hỏi của nam giới. Cả đời tôi mới lần đầu tiên nhìn thấy có một người đàn ông như Thán lau nhà, đổ rác, đi chợ, nấu cơm, ủi đồ. Ở Đài Loan tôi mới thấy đàn ông đi mua băng vệ sinh cho đàn bà.

Nhưng Thán lại không thích đi mua băng vệ sinh cho tôi, không phải vì ngại, mà bởi ông luôn giục, có bầu đi, có bầu đi em.”

(NXB Phụ nữ, 2015, **Chồng xứ lạ**)

FOREIGN HUSBAND

My husband had a mistress who was a few years younger than himself.

The first six months in Taipei, I fancied my life had turned a new page — the early morning walks, the breakfasts together. My husband drove me all over the central part of the island. He appeared a caring and thoughtful man. He found addresses of families with Vietnamese wives to take me to visit, just so I wouldn't be too sad. He showed off his young wife everywhere, stressing that she had graduated from university, she was not the kind of girl to be married through an agency, he did not have to spend a single dime on her!

Sometimes, Than's joy was my misgiving.

In Vietnam, the only thing I knew how to do was to study. In Taiwan, I had to learn how to be a wife. Than wholeheartedly taught me everything, from kitchen chores to grocery shopping to tidying up the house. In Vietnam, the women revolved round and round around men. They were always afraid they could not keep up with the demands of the male sex. I saw for the first time in my whole life a man like Than who mopped the floor, took the trash out, went grocery shopping, cooked and ironed clothes. Only in Taiwan did I see men going out to buy sanitary pads for women.

But Than didn't like to buy sanitary pads for me, not because he hesitated, but because he kept urging me, get pregnant, oh dear, get pregnant.

TRƯƠNG QUÝ (HANOI)



NGUYỄN TRƯƠNG QUÝ was born in 1977 in Hanoi. He obtained a Bachelor's degree in the architecture and a Master of the Media and Communications Management. After many years working for some newspapers and the Tre Publishing House, he now becomes a freelance writer and painter. Trương Quý was nominated for the prize “Bùi Xuân Phái - Vì tình yêu Hà Nội” (For the love of Hanoi).

His books include: *Tự nhiên người Hà Nội* (Be yourself as Hanoi people, please, 2004), *Ăn phở rất khó thấy ngon* (Very difficult to feel pho delicious, 2008), *Hà Nội là Hà Nội* (Hanoi is Hanoi, 2010), *Xe máy tiểu ngạo* (The wandering motorcycle, 2011), *Còn ai hát về Hà Nội* (Does anyone else sing about Hanoi?, 2013), *Dưới cột đèn rót một ấm trà* (Under the lampost, pouring a teapot, 2013), *Mỗi góc phố một người đang sống* (Each street corner a person is living, 2015), *Lê la quà vặt* (Hanoi eat around, with Đặng Hồng Quân, 2017), *Ăn quà xuyên Việt* (Vietnam eat around, with Đặng Hồng Quân, 2017), *Một thời Hà Nội hát - Tim cũng không ngờ làm nên lời ca* (A nostalgic singing time in Hanoi - The heart also did not expect to make lyrics, 2018)

NGUYỄN TRƯƠNG QUÝ, sinh năm 1977 tại Hà Nội, tốt nghiệp cử nhân kiến trúc và thạc sĩ Quản lý Truyền thông. Anh từng làm việc cho một số báo và Nhà xuất bản Trẻ, hiện là nhà văn và họa sĩ tự do. Trương Quý được đề cử giải “Bùi Xuân Phái - Vì tình yêu Hà Nội”

Anh là tác giả của các tập sách: *Tự nhiên người Hà Nội* (2004), *Ăn phở rất khó thấy ngon*, (2008), *Hà Nội là Hà Nội* (2010), *Xe máy tiểu ngạo* (2011), *Còn ai hát về Hà Nội* (2013), *Dưới cột đèn rót một ấm trà* (2013), *Mỗi góc phố một người đang sống* (2015), và đồng tác giả của “*Lê la quà vặt*” (2017), đồng tác giả Đặng Hồng Quân, *Ăn quà xuyên Việt* (2017) (đồng tác giả Đặng Hồng Quân), *Một thời Hà Nội hát - Tim cũng không ngờ làm nên lời ca* (2018).

“Tôi thường quan tâm đến những chuyển thể của văn chương sang những loại hình khác: âm nhạc, sân khấu, điện ảnh hoặc ngược lại, những khai thác từ các văn bản nghệ thuật khác trong văn học. Tôi biết người ta gọi đó là liên văn bản văn hóa. Có thể do tôi làm nhiều công việc khác nhau mà viết văn giống như một công việc hạt nhân, chi phối các việc còn lại theo cách người Việt tự trào, “không bỏ dọc cũng bỏ ngang”. Với tôi, quan trọng là những mối liên kết này khiến việc viết trở nên thú vị và nhiều khi đỡ chán nản. Bởi việc viết lách rất dễ khiến người viết chán.

Mỗi lần viết, tôi như đang đi cuộc du khảo trong tâm trí. Tôi đi lang thang trên các văn bản tra cứu như đi nhặt hạt dẻ. Có lúc tôi nhặt được những món đồ quý. Tôi lục lại trí nhớ về những trải nghiệm của mình trong cuộc sống như người gỡ album ảnh. Có lúc tôi sững sờ vì gặp lại kỷ niệm đã bị quên lãng. Tôi là người viết chấp nối những mạch quá khứ và hiện tại. Tôi biết mình thuộc về thế hệ sẽ còn phải giải quyết các câu chuyện có tính lịch sử của xứ này. Việc viết của tôi, về mặt nào đó gắn gũi với nhu cầu xê dịch, cho dù tôi có viết nhiều về nơi tôi sống là Hà Nội. Những người viết thường có nhu cầu lạ hóa thực tại để tìm những góc cạnh mới làm cảm hứng sáng tác. Điều băn khoăn nhất mỗi lần viết với tôi là: cái lạ mình tìm ra đấy, nó lạ được đến chừng nào? Tôi có khác chính tôi của ngày hôm qua? Mỗi ngày viết là một hành trình tìm kiếm một tôi khác.”

“I am often interested in the adaptations of literature into other forms, such as music, theatre, cinema or the reverse, the exploitation of other art texts into literature. I know it's called intercultural texts. Perhaps because I do various works all at once, and writing is the nuclear energy that somehow manipulates these other works, which is, as Vietnamese people mock themselves, “if not good vertically, then good horizontally”. To me, these links do make writing more exciting and furthermore, less boring. Because the work of writing easily makes us writers depressed.

To me, every journey of writing is a mental wandering. I wander through the research texts as if I was wandering to collect chestnuts. Sometimes I happen to find treasures. I rummage through my experiences and memories the way one unfolds a photo album. Sometimes I am amazed to meet my forgotten impressions. I am a writer who stitches together the past and the present. I know that I belong to a generation who will have to deal with many historical narratives of this country. My writing, in some ways, is not separate from my

need to move, even though I write a lot about the dear place where I live - Hanoi. Perhaps it's essential for writers to defamiliarize their surrounding realities to find new angles for their creative inspiration. The most challenging question to me when it comes to writing is: The strangeness that I found, to what extent could it be strange? Am I different from my yesterday self? Each writing day is a journey to find another me."



TỔ LINH (87)

Linh Ngo - writer, editor, science communicator

Linh is a biologist by training and a writer by choice. Unwise choice, according to anyone who ever has to make a living from writing. She disagrees. Lack of financial stability is a universal requirement to be an artist.

Linh writes bilingually in Vietnamese and English. Her creation so far consists of journalistic works to communicate science to the public, digital contents

for a biotech startup, essays on various topics, poetry, and a novel.

Linh is an editor for *The zeally Magazine*, which exists in the online universe to publish original and translated nonfiction, journalistic works.

Linh thinks about writing a lot. Here are a few examples.

On writing: Being scared away: <https://writingcooperative.com/a-writing-about-writing-part-1-50ccaf04d07d>

On writing: It's not what I have in mind: <https://writingcooperative.com/a-writing-about-writing-part-2-89b7818477b5>

On writing: The muse doesn't like the cubicle: <https://writingcooperative.com/a-writing-about-writing-part-3-b41280a528e3>

Linh Ngô - nhà văn, biên tập viên, nhà truyền thông khoa học.

Linh vốn được đào tạo về sinh học nhưng lựa chọn làm một người viết. Bất cứ ai đã từng phải kiếm sống bằng nghề viết sẽ nói rằng đó là một lựa chọn kém khôn ngoan. Linh không cho là vậy. Nghèo là yêu cầu chung để trở thành một Nghệ sĩ.

Linh viết bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt. Linh viết đủ thể loại: báo chí truyền đạt các chủ đề khoa học tới công chúng, trang web và blog cho công ty công nghệ sinh học, tản văn, thơ và tiểu thuyết.

Linh là biên tập viên của tạp chí zeally, một tạp chí online chuyên đăng tác phẩm viết và các bản dịch báo chí mang tính chất phi hư cấu.

Linh nghĩ nhiều về việc viết. Dưới đây là một vài ví dụ:

Tôi đã bị dọa sợ như thế nào:

<https://writingcooperative.com/a-writing-about-writing-part-1-50ccaf04d07d>

Không như tôi từng nghĩ

<https://writingcooperative.com/a-writing-about-writing-part-2-89b7818477b5>

Nàng thơ không thích đến văn phòng

<https://writingcooperative.com/a-writing-about-writing-part-3-b41280a528e3>

On Writing: How I Was Scared Away

I like writing. That is kind of a fact. When I was a little girl who thought she would become the greatest writer of all time, my parents had to either gently or violently hint at me that no, I wasn't so great, and even if I had a chance to become a great writer, it wouldn't be a very well-paid job. Writing is not a sexy career. Writers are these strangely dreamy and expectedly poor folks who often die at young ages if they are great at their job.

So I didn't become a writer. My parents and my potential readers probably feel quite relieved. I'm on a track to become a biologist, which is not anywhere close to writing, except that 200-page dissertation and a bunch of papers I have to write with the vocabulary that sounds like Greek because it was actually derived from Greek (and Latin—I respect a language that manages to create so much troubles for users so long after its death). And I spend most of my time avoiding writing them, which means I don't necessarily enjoy that kind of writing.

My parents were right, becoming a writer isn't easy. I read somewhere in an essay by Ann Patchett that she was annoyed when everyone just approached her and told her they had a story that she ought to write about, and that it would definitely be a great story, and the writing would just be final presentation, like putting cooked food from the stove top to the table. Except it isn't. Ann Patchett said in her essay that the story was just a very small part, the writing was the hardest part. The story is like a bag full of grocery, the writing is prepping and cooking and serving and cleaning and everything in between. And sometimes, the food isn't that good, or it isn't what your guests want for that dinner, or it is good for you but it is too salty for them, or they eat it too quickly to even appreciate it. (OK, this food analogy is mine, not Ann Patchett's, so don't quote

her on that.)

I read a book written by an old friend. It was a fiction. It was okay. I mean, it wasn't one of those books that would make it into literature textbooks 100 years from now. It got out there, became popular for a little while, then probably disappeared. And that is how it goes for the majority of books. Really. Have you been to a bookstore lately? Or on Amazon? Or to the library? There are just so many books. I can't help but thinking there might be a chance that some books never even get read at all.

And that is why I admire my friend. She had a story, she put work into writing in down, she published it, she watched it getting welcomed and forgotten by readers. She faced the fact that her book might not even get read at all, after all those days and nights she put into writing it. She faced the fact that some people, or a lot of people, might read it and hate it. She faced the fact that some people might read it and would not understand it at all.

Moderators of panel discussions | Người điều phối các thảo luận

ĐẶNG HOÀNG GIANG



Đặng Hoàng Giang là tác giả phi hư cấu và nhà hoạt động xã hội. Trong công việc viết của mình, anh phân tích các hiện tượng xã hội, văn hoá đương đại ở Việt Nam, đề cập tới các chủ đề liên quan tới quyền lực, công lý, nhân phẩm và phát triển. Các cuốn sách của anh gây tranh luận và có ảnh hưởng rộng rãi trong xã hội.

Trong hoạt động xã hội của mình, anh nỗ lực mở rộng không gian xã hội dân sự, truyền bá tri thức, phá bỏ định kiến và kỳ thị, và xây dựng một xã hội khoan dung và trắc ẩn.

Đặng Hoàng Giang is a non-fiction author and social activist. In his writings, he analyzes contemporary social and cultural phenomena in Vietnam as he deals with questions related to power, justice, dignity and development. His books have stirred controversies and widely influenced readers.

As a social activist, he works to expand the space of civil society, spread knowledge, break down prejudices and stigma and build a society of tolerance and compassion.

NHÃ THUYÊN

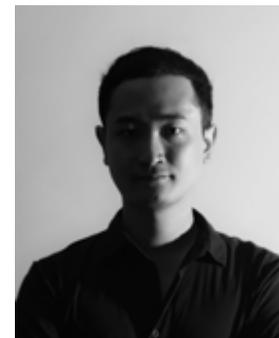
Nhã Thuyền's most recent poetry book *words breathe, creatures of elsewhere* (*từ thở, những người lạ*) was published in Vietnamese (Nha Nam, 2015) and in English translation by Kaitlin Rees (Vagabond Press, 2016). Translations of her poetry and writing appear or forthcoming in *Poems of Lưu Diệu Vân, Lưu Mêlan & Nhã Thuyền* (Vagabond Press, 2013) and in the journals of *RHINO Poetry, Asymptote, Eleven Eleven, Cordite Review, Sand, Full Stop, Cha: An Asian Literary Journal, Tongue, Asian*



American Writer's Workshop, Words Without Border, the Lifted Brow, Jacket2 and some other places. With Kaitlin Rees, she found AJAR, a small bilingual literary journal-press, an online, printed space for poetic exchange with a mini poetry festival in Hanoi.

Vật thể thơ ca gần đây nhất của Nhã Thuyền là *từ thở, những người lạ*, bản tiếng Việt (Nhã Nam, 2015) và bản dịch tiếng Anh của Kaitlin Rees (Vagabond Press, 2016). Cùng Kaitlin Rees, hấn sáng lập và biên tập tạp chí AJAR, một tạp chí văn chương song ngữ, một không gian cho những trao đổi thơ ca. Trú trác với ham muốn không-làm-thêm-gì và lẩn vào bụi cát, hấn gượng sống cùng những độc thoại lâm nhảm khi không phải bận bịu những chuyện cấp bách khác của đời thường.

NGỌC NICK M



Nick M (1987) is a journalist, photojournalist and freelance writer in Hanoi. He spent 10 years working at VnExpress - the most viewed newspaper in Vietnam. Nick primarily covers Cinema, Music, Travel and Culture in his writings. A running theme in Nick M.'s works is the story of generations and the life of the young.

In 2017, Nick M. co-edited and co-authored the book project "1987," covering more than 30 stories on 30 individuals born in 1987, spanning 30 years. The book was published by Youth Publishing House and has become a bestseller in 2017 with 14,000 copies. "1987" also entered the list of "10 most inspirational books of the year" voted by TramDoc.vn.

Nick M. is the author of a newly published book "Backpack on Red Carpet" (2018), Youth Publishing House and editor of "1987+: 30th is not yet the Lunar New Year (2018)" and "1987 (2017), Youth Publishing House. He also co-authors of "Here We Go: Dream and Go On" (2017), DinhTyBooks and "Contemporary Asian Cinema: Histories of Aesthetics and Styles (2015), Hanoi National University Press.

Nick M (1987) đang là một nhà báo, phóng viên ảnh, tác giả tự do tại Hà Nội. Anh có thời gian 10 năm làm cho VnExpress - tờ báo tiếng Việt nhiều người xem nhất. Lĩnh vực mà Nick phụ trách chính là Điện ảnh, Âm nhạc, Du lịch, Văn hóa. Chủ đề trong các tác phẩm của Nick M. thường là về các câu chuyện thế hệ, đời sống giới trẻ.

Năm 2017, Nick M. làm chủ biên kiêm đồng tác giả cho dự án sách “1987” - bao gồm hơn 30 câu chuyện trải dài trong 30 năm của 30 nhân vật sinh năm 1987. Cuốn sách do Nhà xuất bản Trẻ phát hành và đã trở thành một trong những tác phẩm “Best-Seller” của năm 2017 với 14.000 bản và 5 lần in. “1987” cũng vào danh sách “10 cuốn sách truyền cảm hứng nhất trong năm” do trang TramDoc.vn bầu chọn.

Nick M. là tác giả của Balô trên thảm đỏ (2018), Nhà xuất bản Trẻ; chủ biên “1987+: 30 chưa phải là Tết” (2018) & 1987 (2017), Nhà xuất bản Trẻ. Anh cũng là đồng tác giả của các tập sách: “Here We Go: Cứ mơ và cứ đi” (2017), Đinh Tỵ và “Điện ảnh châu Á đương đại: Những vấn đề lịch sử mỹ học và phong cách” (2015), Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội

ATTRACTIONS

Hanoi:

Cafes: Tranquill Books & Coffee (5, Nguyễn Quang Bích - 15B, Trần Hưng Đạo - 18B, Nguyễn Biếu); Drew Coffee (6B Cửa Đông); Hanoi Social Club (6, ngõ Hội Vũ); Eden Coffee (2, Nhà Thờ); OLD TOWN Garden Coffee (11, Hàng Gai); Blackbird Coffee (5, Chân Cầm).

Local Restaurants: Bún Chả (6, Ngõ Trạm - 41, Cửa Đông - 74, Hàng Quạt); Phở bò | Beef Phở (10, Lý Quốc Sư - 24B, Đinh Liệt - 11, Hàng Buồm).

Local Pubs & Bars: Nê Cocktail (3B, Tổng Duy Tân); Soul Bar Hanoi (21, ngõ 12, Đặng Thai Mai, Tây Hồ); +84 (23, Ngõ Văn Sở); New Gentry Beerhouse (7, Hàng Mành).

Sightseeing: Hoàn Kiếm Lake (Walking Street on Weekend); Fine Arts Museum (66, Nguyễn Thái Học); Hỏa Lò Prison (1, Hỏa Lò); Ho Chi Minh Mausoleum (2, Hùng Vương).

Shopping: Vincom Bà Triệu (191, Bà Triệu); Souvenir (Hàng Bông & Hàng Gai Street)

Cinema & Shows: CGV; BHD Star; Galaxy Cinema; OKIA Cinema; Water Puppets Show (57B, Đinh Tiên Hoàng); Tuoi Tre Theatre.

Ho Chi Minh city:

Cafes: Hoàng Thị (31, Nguyễn Thái Bình, District 1); Oasis (14, Phạm Văn Đồng, District 1); Heritage Chinatown (10, Pasteur, District 1); Bàng Khuông Cafe (9, Thái Văn Lung, District 1).

Local Restaurants: Warning Zone (40, Hai Bà Trưng - 72, Lý Tự Trọng - 219, Nguyễn Văn Thủ); The Street (260A, Pasteur, District 3); Quán Ụt Ụt (168, Võ Văn Kiệt, District 1).

Local Pubs & Bars: Layla - Eatery & Bar (Second floor, 63 Đông Du, District 1); Chill Sky Bar (AB Tower, 26th Floor, 76A Lê Lai, District 1); The Iron Bank - Cocktail Vault (47, Tôn Thất Đạm, District 1); The Alley Cocktail Bar (63/1, Pasteur, District 1).

Sightseeing: The Landmark 81; The War Remnants Museum (28, Võ Văn Tần, District 3); Nguyễn Huệ Walking Street; Bến Thành Market.

Cinema & Shows: CGV; BHD Star; Galaxy Cinema; Phú Nhuận Drama Theatre (70-72 Nguyễn Văn Trỗi, Phú Nhuận District).

to be primed in the lessons of || bài học vỡ lòng:

tiếng Việt [tea-ing (rising voice) Viet (cut voice)]

Hello: Xin chào [Seen (level voice) chao (falling voice)]

Thank you: Cảm ơn [Gahm (questioning voice) uhn (level voice)]

I'm sorry: Xin lỗi [Seen (level voice) low-oi (broken voice)]

See you again: Hẹn gặp lại [Hane (cut voice) gop (cut voice) lie (cut voice)]

Be in touch: Nhớ thư từ
[Nyuh (rising voice) thouth (level voice) ttuh (falling voice)]

I love you: Tôi yêu-thương bạn
[can be quietly spoken in Vietnamese with smiles & hugs]

Goodbye: Tạm biệt

SPACES & PARTNERS



MANZI



KH&MVC

